BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

Mã ngành: 7510605

(Ban hành theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 30/05/2026

của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)

Hà Nội – 2026

MỤC LỤC

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo 1
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo 1
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo 2
2. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường 3
2.1. Sứ mạng 3
2.2. Tầm nhìn phát triển 3
2.3. Giá trị cốt lõi 3
2.4. Triết lý giáo dục 3
3. Mục tiêu của chương trình đào tạo 3
3.1. Mục tiêu chung 3
3.2. Mục tiêu cụ thể: 3
4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo 4
4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 4
4.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ 9
4.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp 9
4.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường 9
4.5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đã tham khảo 10
5. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo 10
6. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam 11
7. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp 12
7.1 Thông tin tuyển sinh 12
7.2. Điều kiện tốt nghiệp 13
8. Chiến lược giảng dạy và học tập 13
9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá 17
9.1. Các hình thức đánh giá 17
9.2 Điểm đánh giá học phần 19
9.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics) 20
9.4. Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs) 32
10. Cấu trúc chương trình đào tạo 32

10.2. Nội dung chương trình đào tạo 33
10.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến 47
11. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) 50
12. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo 62
13. Mô tả tóm tắt học phần 64
14. Hướng dẫn thực hiện 82
14.1. Nguyên tắc chung 82
14.2. Kế hoạch đào tạo 83
15. Đánh giá và cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo 84

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế và vận hành theo định hướng ứng dụng sâu sắc. Sứ mệnh của chương trình là đào tạo ra những Cử nhân không chỉ có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực, tinh thần cống hiến cho xã hội, mà còn sở hữu hệ thống kiến thức chuyên môn toàn diện và hiện đại. Mục tiêu cốt lõi là cung cấp cho người học nền tảng tri thức vững chắc về kinh tế, quản trị kinh doanh, đi kèm với năng lực ngoại ngữ sắc bén và tư duy công nghệ vượt trội, sẵn sàng đáp ứng những đòi hỏi khắt khe nhất của thị trường lao động toàn cầu.

Nhận thức sâu sắc sự dịch chuyển nhanh chóng của kỷ nguyên số và mô hình Logistics 4.0, chương trình đào tạo đã được tái cấu trúc mang tính đột phá với việc tích hợp sâu rộng triết lý giáo dục STEM (Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Toán học) và Trí tuệ nhân tạo (AI). Người học không chỉ tiếp cận lý thuyết quản trị truyền thống mà còn được nhúng vào môi trường rèn luyện tư duy định lượng, mô hình hóa toán học và phân tích khoa học. Việc ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong dự báo nhu cầu thị trường, sử dụng dữ liệu lớn (Big Data) để tối ưu hóa tuyến đường vận tải, hay vận hành các hệ thống phần mềm quản trị kho bãi thông minh (WMS, ERP) được đưa trực tiếp vào các học phần chuyên ngành.

Để đảm bảo chuẩn mực chất lượng, chương trình được xây dựng trên cơ sở đối sánh với các chương trình đào tạo uy tín của các trường đại học hàng đầu trong nước và quốc tế. Hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo được lựa chọn từ những học giả và tổ chức uy tín nhất trong lĩnh vực kinh tế nói chung và Logistics, chuỗi cung ứng nói riêng, đồng thời liên tục được cập nhật, tinh chỉnh để giải quyết các bài toán thực tiễn tại Việt Nam mà vẫn tiệm cận với những xu hướng tiên tiến trên thế giới.

Song hành cùng nội dung hiện đại là đội ngũ giảng viên cơ hữu tận tâm, được đào tạo bài bản và chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế, thương mại và quản trị Logistics. Đặc biệt, theo đúng triết lý đào tạo gắn liền thực tiễn, chương trình có sự tham gia trực tiếp của mạng lưới các chuyên gia, lãnh đạo cấp cao từ các doanh nghiệp đối tác vào quá trình giảng dạy và đánh giá. Phương pháp sư phạm tiên tiến, lấy người học làm trung tâm và kiến tạo tri thức qua dự án được áp dụng triệt để nhằm phát huy tối đa năng lực tự chủ của sinh viên.

Bên cạnh khối kiến thức giáo dục đại cương làm bệ phóng, sinh viên sẽ được rèn luyện chuyên sâu các năng lực cốt lõi thông qua chuỗi học phần chuyên ngành bao phủ toàn diện hệ sinh thái Logistics, bao gồm:

Kinh doanh xuất nhập khẩu và Thanh toán quốc tế.

Quản trị kho vận.

Vận tải đa phương thức và Logistics toàn cầu.

Nghiệp vụ Hải quan điện tử.

Phân tích thị trường và Thiết kế mạng lưới chuỗi cung ứng.

Thương mại điện tử xuyên biên giới và Logistics xanh.

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, ban hành ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ GD&ĐT về "Quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ giáo dục đại học". Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã ban hành các văn bản về việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học để các Khoa làm cơ sở trong việc xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo, đáp ứng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với mục tiêu, chiến lược đào tạo của Trường

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Cử nhân ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Logistics and Supply Chain Management
3. Trình độ đào tạo:	Đại học
4. Ngành đào tạo:	**Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng**
5. Mã ngành:	7510605
6. Thời gian đào tạo	4 năm
7. Loại hình đào tạo:	Chính quy
8. Ngôn ngữ giảng dạy:	Tiếng Việt
9. Tên văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
10. Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
11. Website	Uneti.edu.vn
12. Khoa Quản lý CTĐT	Khoa Thương mại
13. Ngày tháng ban hành/cập nhật:	

2. Sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường

2.1. Sứ mạng

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ, thực hiện các chức năng giáo dục – đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước.

2.2. Tầm nhìn phát triển

Đến năm 2030 trở thành trường đại học định hướng ứng dụng uy tín, nằm trong nhóm các trường đại học ứng dụng hàng đầu của cả nước

2.3. Giá trị cốt lõi

Phát triển bền vững, coi trọng chất lượng, hiệu quả, luôn tự đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội. Lấy mục tiêu phát triển bền vững là nền tảng; Chất lượng, hiệu quả là mục tiêu hướng tới; Đổi mới, đáp ứng nhu cầu xã hội là phương châm hành động.

2.4. Triết lý giáo dục

"Học tập để kiến tạo tương lai"

3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về quản trị logistics, vận tải đa hàng hóa, quản trị kho hàng và quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các bài toán thiết kế, vận hành và tối ưu hóa dòng chảy hàng hóa, thông tin và tài chính trong doanh nghiệp bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường kinh doanh quốc tế số hóa.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội,chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế thương mại, quản trị logistics và chuỗi cung ứng trong bối cảnh nền kinh tế số và môi trường kinh doanh quốc tế đầy biến động.

PO2: Có khả năng phân tích, tổng hợp và vận dụng hệ thống kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng và về Hải quan - Xuất nhập khẩu; từ đó thiết kế các giải pháp chuỗi cung ứng hiệu quả và bền vững.

PO3: Ứng dụng hiệu quả năng lực số, vận dụng tư duy phản biện, phát huy khả năng làm việc nhóm hiệu quả để giải quyết các vân đề phức tạp trong hoạt động logistics và quản

lý chuỗi cung ứng.

PO4: Có năng lực thực hành nghề nghiệp thành thạo để tổ chức, vận hành và giám sát các quy trình logistics và thực hiện các nghiệp vụ hải quan; sử dụng thành thạo các công cụ, phần mềm chuyên ngành và công nghệ mô phỏng để tối ưu hóa hiệu suất công việc.

PO5: Có năng lực làm việc độc lập, phối hợp nhóm; khả năng quản lý công việc; khả năng tự định hướng nghề nghiệp và thích ứng với thay đổi; khả năng tự học suốt đời; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, pháp luật – an toàn – môi trường để làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa. 4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng có khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị	**3**
		PI 1.1 Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để đề xuất các giải pháp cho các vấn đề thuộc Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng tại doanh nghiệp/đơn vị, phù hợp quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp.	3
		PI 1.2. Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên để thực hiện các quy trình tính toán định lượng, xử lý dữ liệu thống kê trong doanh nghiệp/đơn vị, tuân thủ các nguyên lý chuyên môn và phù hợp bối cảnh tổ chức.	3
Kiến thức cốt lõi			
2	**PLO2**	Áp dụng kiến thức nền tảng về kinh tế để tổ chức các hoạt động kinh doanh	**3**
		PI 2.1: Áp dụng các nguyên lý cơ bản của kinh tế học trong lĩnh vực kinh doanh để đánh giá tác động của các yếu tố thị trường đến cung, cầu hàng hóa và dịch vụ.	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 2.2: Áp dụng kiến thức về khoa học quản lý và marketing để giải quyết các vấn đề về tổ chức bộ máy, và hiệu quả họa động của doanh nghiệp.	3
3	**PLO3**	Áp dụng hệ thống kiến thức cốt lõi về logistics và quản lý chuỗi cung ứng để tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh.	**3**
		PI 3.1: Áp dụng kiến thức về vận tải, giao nhận và quản lý kho hàng để tổ chức hoạt động kinh doanh một cách tối ưu.	3
		PI 3.2: Áp dụng kiến thức về tài chính, nghiên cứu thị trường, chiến lược và kế hoạch kinh doanh để tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh hiệu quả.	3
4	**PLO4.01**	**Định hướng đào tạo: Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng (modul 1)** Phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp chuyên môn sâu thuộc lĩnh vực Quản trị Chuỗi cung ứng, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn của doanh nghiệp.	**4**
		PI 4.1.01: Xây dựng kế hoạch kinh doanh, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng để đáp ứng yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp	4
		PI 4.2.01: Phân tích các yếu tố vật chất, kỹ thuật, kiến trúc, công nghệ sử dụng phục vụ cho hoạt động Logistics nhằm đáp ứng các xu hướng kinh doanh Logistics hiện đại.	4
	PLO4.02	**Định hướng đào tạo: Hải quan & Dịch vụ Logistics (modul 2)** Phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp chuyên môn sâu thuộc lĩnh vực Hải quan và dịch vụ Logistics	**4**
		PI 4.1.02: Vận dụng quy tắc trị giá hải quan để xác định trị giá tính thuế cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu.	4

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 4.2.02: Phân tích quy tắc xuất xứ trong các hiệp định FTA để thiết lập hồ sơ hưởng ưu đãi thuế quan tối ưu.	4
Kỹ năng chung			
5	**PLO5**	Vận dụng khả năng giao tiếp, phản biện, tinh thần khởi nghiệp, đánh giá công việc và dẫn dắt nhóm để giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong môi trường thay đổi.	**3**
		PI 5.1: Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2: Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.	3
6	**PLO6**	Vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số, và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo, cùng các công cụ/phần mềm chuyên môn; đồng thời sử dụng thành thạo công nghệ thông tin cơ bản để hỗ trợ công việc.	**3**
		PI 6.1 Vận dụng tư duy STEM trong việc xây dựng phương án giải quyết vấn đề về dịch vụ Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; tích hợp năng lực số và nhận diện khả năng ứng dụng AI vào quy trình đó.	3
		PI 6.2 Sử dụng thành thạo phần mềm chuyên ngành để thực hiện tối ưu hóa các quy trình nghiệp vụ về dịch vụ logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3
7	**PLO7**	**Sử dụng** ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.	**3**
		PI 7.1 Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2 Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
8	**PLO8**	Thực hiện thành thạo việc đánh giá, phân tích, thực tế kinh doanh để đề xuất các giải pháp cải tiến hoạt động kinh doanh	**3**
		PI 8.1: Phân tích dữ liệu và bối cảnh kinh doanh để nhận diện, xác định nguyên nhân các vấn đề phát sinh trong hoạt động Logistics và chuỗi cung ứng làm cơ sở đề xuất các giải pháp cải tiến hiệu quả hoạt động kinh doanh.	3
		PI 8.2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng.	3
9	**PLO9**	Tổ chức thực hiện nghiệp vụ vận hành kho, hoạt động vận tải, giao nhận hàng hóa và hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu trong thực tế của doanh nghiệp.	**3**
		PI 9.1: Thực hiện kỹ năng vận hành kho, tổ chức thực hiện hoạt động vận tải, giao nhận tại doanh nghiệp.	**3**
		PI 9.2: Thực hiện kỹ năng soạn thảo hợp đồng kinh doanh, tổ chức thực hiện nghiệp vụ xuất nhập khẩu tại doanh nghiệp.	**3**
		Định hướng đào tạo: Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng (modul 1)	
10	**PLO10.01**	Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu theo lĩnh vực Logistics & quản lý chuỗi cung ứng	**4**
		PI 10.1.01: Thực hiện thành thạo các kỹ năng hoạch định nguồn hàng, đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp, và đàm phán hợp đồng mua hàng trong chuỗi cung ứng.	4
		PI 10.2.01: Vận hành thành thạo các quy trình trong thương mại điện tử, quản lý tồn kho và điều phối vận tải chặng cuối trên nền tảng công nghệ.	4
		Định hướng đào tạo: Hải quan & Dịch vụ Logistics (modul 2)	

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
	PLO10.02	Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu theo lĩnh vực hải quan & dịch vụ Logistics	**4**
		PI10.1.02: Thực hiện thành thạo quy trình khai báo hải quan điện tử trên hệ thống VNACCS/VCIS; kỹ năng tra cứu, xác định mã HS chính xác, và hợp đồng mua bán cho hàng hóa xuất nhập khẩu.	4
		PI10.2.02: Lập và kiểm tra bộ hồ sơ hải quan, hồ sơ chứng nhận xuất xứ (C/O) và thực hiện các thủ tục kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa đặc thù.	4
Mức tự chủ trách nhiệm			
11	**PLO11**	Chủ động lập kế hoạch công việc, quản lý nguồn lực và giám sát cơ bản; đồng thời thích ứng, sẵn sàng giải quyết các vấn đề phát sinh và làm việc hợp tác hiệu quả.	**3**
		PI11.1. Thiết lập và duy trì việc lập kế hoạch cá nhân/nhóm và quản lý nguồn lực hiệu quả để hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ.	3
		PI11.2. Chủ động thích ứng và giải quyết vấn đề phát sinh; đồng thời thể hiện sự ủng hộ đối với vai trò dẫn dắt cơ bản trong công việc nhóm.	3
12	**PLO12**	Chủ động tìm hiểu và tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, an toàn và bảo vệ môi trường, chịu trách nhiệm về các quyết định và hành động của bản thân, tích cực tham gia vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và xã hội.	**3**
		PI12.1 Tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, và an toàn lao động trong quá trình thực hiện các quyết định chuyên môn.	3
		PI12.2. Chịu trách nhiệm và tham gia tích cực vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng hoặc xã hội.	2

4.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 (4/6 đối với trình độ thạc sĩ) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

4.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp có thể đảm nhận tốt các vị trí công việc tại các cơ quan, doanh nghiệp như sau:

Nhóm 1: Các doanh nghiệp: Sinh viên tốt nghiệp ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng có thể làm việc tốt tại các vị trí công việc:

+ Bộ phận quản lý, vận hành các hệ thống quản lý kho hàng;

+ Bộ phận kinh doanh tại các doanh nghiệp Logistics;

+ Bộ phận chứng từ, sổ sách, vận đơn tại các doanh nghiệp cung ứng, phân phối và xuất nhập khẩu;

+ Bộ phận điều phối các cảng hàng không, vận tải thủy nội địa, cảng biển, hãng tàu;

+ Bộ phận giao nhận vận chuyển

+ Chuyên viên thu mua, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước;

+ Chuyên viên hiện trường, hải quan.

+ Tư vấn viên về các thủ tục hải quan,

+ Thanh toán quốc tế, thương mại xuất nhập khẩu;

Nhóm 2: Các cơ quan quản lý nhà nước

Vị trí: Chuyên viên tư vấn chính sách; chuyên viên phân tích dự báo; Chuyên viên phụ trách các trung tâm xúc tiến; và các vị trí liên quan đến hoạt động Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng,

Nhóm 3: Nghiên cứu và giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu

Vị Trí: Trợ giảng, giảng viên giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học; nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu.

4.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

4.5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn đã tham khảo

- Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, 16 CTĐT chất lượng trình độ đại học, 04 CTĐT thạc sĩ.

- Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018

- Chương trình đào tạo ngành Logistics và QLCCU trường Đại học Thương mại.

- Chương trình đào tạo ngành Logistics và QLCCU trường Đại học Kinh tế quốc dân

- Chương trình đào tạo ngành Logistics và QLCCU trường Đại học Ngoại thương.

5. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 1. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	**Chuẩn đầu ra của CTĐT**											
	PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	**PLO11**	**PLO12**
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về quản trị logistics, vận tải đa phương thức, quản trị kho hàng và quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các bài toán thiết kế, vận hành và tối ưu hóa dòng chảy hàng hóa, thông tin và tài chính trong doanh nghiệp bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường kinh doanh quốc tế số hóa.											
Mục tiêu cụ thể												
PO1	X	X										
PO2			X	X								
PO3					X	X	X					

PO4								X	X	X		
PO5											X	X

6. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Bảng 2 Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	TCTN 3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.	KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	TCTN 4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	
	KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	

Bảng 3 Đối sánh giữa Chuẩn đầu ra của CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam

CĐR theo Khung TĐQG / Chuẩn đầu ra	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO1	x														
PLO2	x														
PLO3		x		x											x
PLO4					x										
PLO5			x												
PLO6					x										
PLO7					x										
PLO8						x			x			x	x		
PLO9										x	x				
PLO10							x								
PLO11								x						x	

7. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

7.1 Thông tin tuyển sinh

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thông báo và hướng dẫn của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (https://uneti.edu.vn/chuyen-muc/tuyen-sinh)

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

- Phương thức tuyển sinh: Các phương thức tuyển sinh được nhà trường công bố theo từng năm học cụ thể. Một số phương thức cụ thể như sau:

+ Phương thức 1: Xét tuyển thẳng

+ Phương thức 2: Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT

+ Phương thức 3: Xét tuyển kết quả học tập bậc THPT

+ Phương thức 4: Xét tuyển theo kết quả Kỳ thi đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức

+ Phương thức 5: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐH Quốc gia Hà Nội tổ chức

7.2. Điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Chiến lược giảng dạy và học tập

Các chiến lược giảng dạy và học được thiết kế nhằm giúp người học đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, cụ thể như sau**:**

Bảng 4. Các chiến lược và phương pháp dạy – học

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
1	Dạy học hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học	Phương pháp thuyết trình vấn đề (Problem Solving)	- GV đặt vấn đề - GV phát biểu vấn đề - GV giải quyết vấn đề theo 2 logic phổ biến: quy nạp hoặc diễn dịch. - Kết luận và thảo luận (nhấn mạnh, tổng kết, liên hệ, đánh giá, kiểm tra...)	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10
		Phương pháp giải quyết vấn đề (Problem based learning)	- Đặt vấn đề (GV tạo tình huống bài học) - Giải quyết vấn đề (GV định hướng đề SV đề xuất giải pháp và thực hiện); - Kết luận và vận dụng	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10
		Phương pháp hoạt động nhóm	- Lựa chọn đề tài (là trọng tâm bài học)	PLO1 PLO2

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
		(Group based learning)	- Chia nhóm (theo tổ hoặc theo danh sách hoặc theo thẻ bài) - Giao nhiệm vụ và giám sát nhóm làm việc - Trình bày và thảo luận	PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10
		Phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ (Thinkpair-share)	- GV đưa ra thảo luận - SV cùng đọc tài liệu hoặc suy nghĩ về chủ đề, sau đó các SV ngồi bên cạnh nhau có thể trao đổi với nhau về ý kiến và kinh nghiệm của mỗi người một khoảng thời gian nhất định (khoảng vài phút), sau đó chia sẻ với cả lớp - GV phân tích và tổng kết các nội dung về chủ đề	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10
2	Dạy học hướng phát huy tính tự học, tự nghiên cứu	Thảo luận (Seminar)	- Chuẩn bị (GV nêu tên chủ đề, phân công nhiệm vụ) - SV nghiên cứu và viết bài thuyết trình - Thực hiện (Bố trí không gian, GV giới thiệu và phổ biến yêu cầu của seminar, SV thuyết trình, tổ chức thảo luận) - Kết luận và mở rộng.	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10
		Tự học (Selfstudying)	- Xác định mục tiêu học tập, nội dung cần học - Lập kế hoạch tự học	PLO1 PLO2 PLO3

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
			- Thực hiện theo kế hoạch - Tự thể hiện (tự trình bày lại những KT, KN đã học được) - Thảo luận trước nhóm - Tự đánh giá và tự điều chỉnh - Tổng hợp và vận dụng - Làm bài tập về nhà	PLO4 PLO5 PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10 PLO11 PLO12
3	Dạy học nâng cao năng lực kỹ năng thực hành, thực tập	Dạy học qua thực hành/thí nghiệm (Experiment)	- GV hướng dẫn về nội dung các bài thực hành - SV thực hiện lặp lại tương tự - SV quan sát kết quả và phân tích kết quả	PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10
		Dạy học qua tình huống (Case study)	- Đưa ra tình huống thực tế tại các doanh nghiệp/cơ sở thực tập - Nghiên cứu tình huống - Phân tích, xử lý tình huống - Báo cáo kết quả	PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10
		Dạy học thông qua dự án (Project-based learning)	- Thiết kế ý tưởng dự án (gồm các bước: xác định vấn đề thực tiễn, mục tiêu dự án, nguồn hỗ trợ SV thực hiện, thiết kế công cụ đánh giá sản phẩm dự án) - Tổ chức dạy học dự án (gồm các bước: xây dựng ý tưởng dự án, quyết định chủ đề; xây dựng kế hoạch thực hiện; thực hiện dự án; báo cáo dự án và đánh giá)	PLO6 PLO7 PLO8 PLO9 PLO10
		Quan sát và trải nghiệm thực tế (Field trip)	- GV xác định mục tiêu, đối tượng, cách thức quan sát và trải nghiệm	PLO6 PLO7 PLO8

STT	Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	Cách tổ chức hoạt động học	PLO
			- SV thực hiện quan sát và trải nghiệm (tại cơ sở thực tập) - Phản hồi - Tổng kết và vận dụng	PLO9 PLO10

Bảng 5. Mối liên hệ giữa các chiến lược giảng dạy và học với các PLO

Chiến lược và phương pháp dạy học			Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)											
	Chiến lược	Phương pháp dạy học	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
1	Dạy học hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học	Phương pháp thuyết trình vấn đề (Problem Solving)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
		Phương pháp giải quyết vấn đề (Problem based learning)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
		Phương pháp hoạt động nhóm (Group based learning)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
		Phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ (Thinkpair-share)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
2	Dạy học hướng phát huy tính tự học, tự nghiên cứu	Thảo luận (Seminar)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
		Tự học (Selfstudying)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3	Dạy học nâng cao năng lực kỹ năng thực hành, thực tập	Dạy học qua thực hành (Experiment)						X	X	X	X	X		
		Dạy học qua tình huống (Case study)						X	X	X	X	X		
		Dạy học thông qua dự án (Project-based learning)						X	X	X	X	X		
		Quan sát và trải nghiệm thực tế (Field trip)						X	X	X	X	X		

9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

9.1. Các hình thức đánh giá

Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác độ mức độ đạt được CĐR của học phần từ đó bảo đảm sinh viên đạt được CĐR của chương trình đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập được căn cứ theo Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 20 tháng 09 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Khoa Thương mại, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã phát triển và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Các phương pháp đánh giá này được thiết kế để đảm bảo không chỉ đánh giá kiến thức chuyên môn của sinh viên mà còn tập trung vào đánh giá thái độ và kỹ năng thể hiện rõ ràng trong CLOs.

Tùy theo chuẩn đầu ra của học phần, giảng viên sẽ lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp cho các điểm thành phần (điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần…). Sau khi sinh viên hoàn thành đủ số giờ lên lớp theo quy định của trường cho từng học phần sẽ tham dự kỳ thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận, trắc nghiệm hoặc vừa tự luận vừa trắc nghiệm, viết chuyên đề báo cáo (tiểu luận) môn học hoặc đồ án môn học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng:

Bảng 6. Các phương pháp đánh giá

TT	Phương pháp đánh giá	Mô tả phương pháp đánh giá
A	**Đánh giá quá trình (On going/Formative Assessment)**	Mục đích của đánh giá quá trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học. Việc đánh giá quá trình được thực hiện theo Rubric 1, Rubric 2, Rubric 3, Rubric 4, Rubric 5, Rubric 6, Rubric 7, Rubric 8, Rubric 9
1	Đánh giá chuyên cần (Attendence Check)	*Mô tả phương pháp*: Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của người học trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp người học tiếp cận kiến thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt, đúng đắn, chấp hành nội quy, nền nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi người học tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo quy định. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo Rubric 1
2	Đánh giá bài tập (Work Assiment)	*Mô tả phương pháp*: người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ

		học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân và một nhóm người học được đánh giá theo tiêu chí cụ thể tùy giảng viên quy định. Việc đánh giá bài tập được thực hiện theo Rubric 4, Rubric 5, Rubric 6, Rubric 7, Rubric 8, Rubric 9
3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	*Mô tả phương pháp*: Trong một số học phần, người học được yêu cầu làm việc nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động không những giúp người học đạt được kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Việc đánh giá thuyết trình được thực hiện theo Rubric 2, Rubric 3
B	**Đánh giá tổng kết (Summative Assessment)**	Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá kết thúc học phần.
4	Kiểm tra viết (Written Exam)	*Mô tả phương pháp:* Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.
5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)	*Mô tả phương pháp:* Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.
6	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)	*Mô tả phương pháp*: Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được được đánh gia thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp.
7	Báo cáo, bài tập lớn, tiểu luận, đồ án (Written Report)	*Mô tả phương pháp*: người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ… trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho

		phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 6, Rubric 7
8	Đánh giá báo cáo thực tập (Internship Report)	*Mô tả phương pháp*: người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ… trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 10, Rubric 11
9	Đánh giá Khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp (Graduation Thesis)	*Mô tả phương* pháp: Khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá khóa luận/đồ án bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp đánh giá này được thể hiện trong Rubric 12, Rubric 13

9.2 Điểm đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, tiểu luận, thảo luận:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm: điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 60%) và điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy) (chiếm tỷ trọng 40%).

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ - tính hệ số 2:

+ Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận

+ Số lần kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm kiểm tra thường xuyên - tính hệ số 1:

+ Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của sinh viên trong giờ học.

+ Số lần kiểm tra thường xuyên: tối thiểu là 1. Ngoài ra, Khoa, tổ chuyên môn có thể quy định số lần kiểm tra tối thiểu cho từng học phần cụ thể.

- Điểm chuyên cần - có hệ số bằng số tín chỉ của học phần đó.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

2) Đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn, thực tập:

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) là điểm trung bình của các loại điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy.

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ: là điểm đánh giá các bài thực hành định kỳ trong quá trình giảng dạy, được tính hệ số 1.

Số điểm kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm chuyên cần:

+ Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong Đề cương chi tiết của học phần.

3. Điểm đánh giá bộ phận, điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

4. Điểm học phần được tính như sau:

a) Đối với học phần lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, thí nghiệm, thảo luận: Điểm học phần được tính bằng 40% điểm quá trình cộng với 60% điểm thi kết thúc học phần;

b) Đối với học phần thực hành, thực tập: Điểm học phần là điểm trung bình của các điểm đánh giá bộ phận.

5. Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:	A	(8,5 - 10)	Giỏi
	B^+	(7,8 - 8,4)	Khá Giỏi
	B	(7,0 - 7,7)	Khá
	C^+	(6,3 - 6,9)	Trung bình Khá
	C	(5,5 - 6,2)	Trung bình
	D^+	(4,8 - 5,4)	Trung bình yếu
	D	(4,0 - 4,7)	Yếu
b) Loại không đạt:	F^+	(3,0 - 3,9)	Kém
	F	(0,0 - 2,9)	Rất Kém

9.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Rubric 1: Đánh giá điểm chuyên cần tham gia lớp học

Tiêu chí	Xuất sắc 10 điểm	Tốt 8.0 điểm	Khá 6.0 điểm	Trung bình 4.0 điểm	Kém 2.0 điểm	Yếu 0 điểm
Thời gian tham	Đi học đầy đủ số tiết trong	Nghỉ học dưới 10% số tiết	Nghỉ học từ 10% trở lên đến dưới	Nghỉ học từ 20% trở lên đến dưới	Nghỉ học từ 35% trở lên đến dưới	Nghỉ học từ 50% trở lên số

gia lớp học	chương trình	trong chương trình	20% số tiết trong chương trình	35% số tiết trong chương trình	50% số tiết trong chương trình	tiết trong chương trình

Rubric 2. Đánh giá THUYẾT TRÌNH (cá nhân)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng trình bày	20	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	Quá giờ

Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi

Rubric 3. Đánh giá THUYẾT TRÌNH (theo nhóm)

Tiêu chí	**Trọng số (%)**	**Tốt 8.5 – 10 điểm**	**Khá 6.5 – 8.4 điểm**	**Trung bình 4.0 – 6.4 điểm**	**Kém 0 – 3.9 điểm**
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng trình bày	10	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ

Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	Quá giờ
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng
Sự phối hợp trong nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

Rubric 4: Làm việc nhóm

Tiêu chí	**Trọng số (%)**	**Tốt** **8.5 – 10 điểm**	**Khá** **6.5 – 8.4 điểm**	**Trung bình** **4.0 – 6.4 điểm**	**Kém** **0 – 3.9 điểm**
Thời gian tham gia họp nhóm	15	Chia đều cho số lần họp nhóm			
Thái độ tham gia	15	Tích cực kết nối các thành viên trong nhóm	Kết nối tốt với thành viên khác	Có kết nối nhưng đôi khi còn lơ là, phải nhắc nhở	Không kết nối
Ý kiến đóng góp	20	Sáng tạo/rất hữu ích	Hữu ích	Tương đối hữu ích	Không hữu ích
Thời gian giao nộp sản phẩm	20	Đúng hạn	Trễ ít, không gây ảnh hưởng đến chất lượng chung	Trễ nhiều, có gây ảnh hưởng đến chất lượng	Không nộp/Trễ gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng

				chung nhưng có thể khắc phục	chung, không thể khắc phục
Chất lượng sản phẩm giao nộp	30	Sáng tạo/Đáp ứng tốt yêu cầu của nhóm	Đáp ứng khá tốt yêu cầu của nhóm	Đáp ứng một phần yêu cầu của nhóm, có điều chỉnh theo góp ý	Không sử dụng được

Rubric 5: Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham gia	30	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận	Tham gia thảo luận	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia
Kỹ năng thảo luận	40	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	40	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

Rubric 6: Đánh giá bài tập thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham dự	20	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Không tham gia thảo luận và chia sẻ
Kết quả thực hành	40	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu

	30	Giải thích và chứng minh rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh không rõ ràng
Báo cáo thực hành	10	Đúng format và đúng hạn	Điểm tuỳ theo mức độ đáp ứng		

Rubric 7. Đánh giá TIỂU LUẬN/Báo cáo thu hoạch

Tiêu chí		**Trọng số %**	**Tốt 8.5 – 10 điểm**	**Khá 6.5 – 8.4 điểm**	**Trung bình 4.0 – 6.4 điểm**	**Kém 0 – 3.9 điểm**
Cấu trúc		05	Cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Tương đối cân đối, hợp lý	Không cân đối, thiếu hợp lý
Nội dung	Nêu vấn đề	10	Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề
	Nền tảng lý thuyết	10	Trình bày quan điểm lý thuyết phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết khá phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết tương đối phù hợp	Trình bày chưa rõ quan điểm lý thuyết phù hợp
	Các nội dung thành phần	40	Ghi thang điểm cụ thể cho từng phần nội dung			
	Lập luận	10	Hoàn toàn chặt chẽ, logic	Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng	Tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa đảm bảo gây ảnh hưởng	Không chặt chẽ, logic

Kết luận		15	Phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và đầy đủ
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, format…)	Format	05	Nhất quán về format trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format	Vài chỗ không nhất quán	Rất nhiều chỗ không nhất quán
	Lỗi chính tả	05	Không có lỗi chính tả	Một vài lỗi nhỏ	Lỗi chính tả khá nhiều	Lỗi rất nhiều và do sai chính tả và typing cẩu thả

Rubric 8: Đánh giá MINITEST NGHE HIỂU

Tiêu chí	**Trọng số %**	**Tốt 8.5 – 10 điểm**	**Khá 6.5 – 8.4 điểm**	**Trung bình 4.0 – 6.4 điểm**	**Kém 0 – 3.9 điểm**
Thái độ tham gia		Nghiêm túc, (100% điểm bài làm)	Có trao đổi nhưng đã điều chỉnh khi được nhắc: trừ 25 % điểm bài làm	Bị nhắc nhở hơn 1 lần hay bị phát hiện quay cóp: không tính điểm	
Chất lượng bài nghe	100	Theo thang điểm chi tiết cho từng nội dung (câu hỏi)			

Rubric 9: Đánh giá bài tập (khoa học tự nhiên)

Tiêu chí	**Trọng số %**	**Tốt 8.5 – 10 điểm**	**Khá 6.5 – 8.4 điểm**	**Trung bình 4.0 – 6.4 điểm**	**Kém 0 – 3.9 điểm**
Phương pháp giải	30	Cách giải sáng tạo/nhiều cách	Đúng phương pháp	Đúng phương pháp nhưng chưa đến kết quả	Sai phương pháp (0 đ)
Lập luận	40	Lập luận có căn cứ khoa học vững chắc	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng còn 1 vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng còn sai sót quan trọng (tuỳ mức độ: 2.0-1.0 đ)	Phạm hơn 1 sai sót quan trọng/Không biết lập luận khoa học (0 đ)

Kết quả	15	Kết quả đúng	Kết quả có sai sót, ít ảnh hưởng	Kết quả sai sót ảnh hưởng nhiều (tuỳ mức độ: 1.0-0.5 đ)	Sai kết quả hoàn toàn do sai phương pháp (0đ)
Trình bày bài giải	15	Cẩn thận, rõ ràng	Khá cẩn thận, vài chỗ chưa rõ ràng	Tương đối cẩn thận, nhiều chỗ chưa rõ ràng	Cẩu thả và chưa rõ ràng (0đ)

Rubric 10: Đánh giá báo cáo thực tập cuối khóa theo tiến độ

Tiêu chí		**Trọng số %**	**Tốt 8.5 – 10 điểm**	**Khá 6.5 – 8.4 điểm**	**Trung bình 4.0 – 6.4 điểm**	**Kém 0 – 3.9 điểm**
Nội dung báo cáo		90	Trình bày rõ ràng, đầy đủ, trung thực, khách quan, tin cậy, lập luận chặt chẽ, logic	Trình bày khá rõ ràng, khá đầy đủ, khá trung thực, khách quan, tin cậy, lập luận khá chặt chẽ, khá logic	Trình bày tương đối rõ ràng, tương đối đầy đủ, tương đối trung thực, khách quan, tin cậy, lập luận tương đối chặt chẽ, tương đối logic	Trình bày chưa rõ ràng, chưa đầy đủ, chưa trung thực, khách quan, tin cậy, lập luận chưa chặt chẽ, chưa logic
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, format…)	Format	05	Nhất quán về format trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format	Vài chỗ không nhất quán	Rất nhiều chỗ không nhất quán
	Lỗi chính tả	05	Không có lỗi chính tả	Một vài lỗi nhỏ	Lỗi chính tả khá nhiều	Lỗi rất nhiều và do sai chính tả và typing cẩu thả

Rubric 11: Đánh giá báo cáo thực tập cuối khóa cuối kỳ

Tiêu chí	**Trọng số %**	**Tốt**	**Khá**	**Trung bình**	**Kém**

			8.5 – 10 điểm	6.5 – 8.4 điểm	4.0 – 6.4 điểm	0 – 3.9 điểm
Nội dung báo cáo		80	Số liệu hoàn toàn trung thực, hợp lý, khách quan, đáng tin cậy	Số liệu khá trung thực, hợp lý, khách quan, khá tin cậy	Số liệu tương đối trung thực, hợp lý, khách quan, tương đối tin cậy	Số liệu chưa trung thực, hợp lý, khách quan, chưa tin cậy
Kết luận/Nhận xét của đơn vị thực tập		10	Phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và đầy đủ
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, format…)	Format	05	Nhất quán về format trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format	Vài chỗ không nhất quán	Rất nhiều chỗ không nhất quán
	Lỗi chính tả	05	Không có lỗi chính tả	Một vài lỗi nhỏ	Lỗi chính tả khá nhiều	Lỗi rất nhiều và do sai chính tả và typing cẩu thả

Rubric 12: Đánh giá khóa luận tốt nghiệp
(Giảng viên hướng dẫn)

Tiêu chí		Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Cấu trúc		05	Cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Tương đối cân đối, hợp lý	Không cân đối, thiếu hợp lý
Nội dung	Nêu vấn đề	10	Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp	Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Mục đích, đối tượng, phạm vi, phương	Phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Mục đích, đối tượng, phạm vi,	Phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Mục đích, đối tượng, phạm

			nghiên cứu phù hợp được viết khoa học, rõ ràng	pháp nghiên cứu phù hợp với đề tài	phương pháp nghiên cứu phù hợp nhưng chưa được viết khoa học, rõ ràng.	vi, phương pháp nghiên cứu chưa phù hợp.
	Nền tảng lý thuyết	20	Trình bày quan điểm lý thuyết phù hợp. Kết luận được nội dung cốt lõi của vấn đề nghiên cứu.	Trình bày quan điểm lý thuyết khá phù hợp. Kết luận được nội dung cốt lõi của vấn đề nghiên cứu	Trình bày quan điểm lý thuyết tương đối phù hợp. Kết luận được nội dung cốt lõi của vấn đề nghiên cứu	Trình bày chưa rõ quan điểm lý thuyết phù hợp. Không kết luận được nội dung cốt lõi của vấn đề nghiên cứu
	Nghiên cứu thực trạng	30	Trình bày rõ ràng, đầy đủ về thực trạng nghiên cứu. Kết luận được các vấn đề cốt lõi của thực trạng nghiên cứu.	Trình bày rõ ràng, khá đầy đủ về thực trạng nghiên cứu. Kết luận được các vấn đề cốt lõi của thực trạng nghiên cứu.	Trình bày tương đối đầy đủ về thực trạng nghiên cứu. Kết luận được tương đối các vấn đề cốt lõi của thực trạng nghiên cứu.	Trình bày không rõ ràng, chưa đầy đủ về thực trạng nghiên cứu. Không Kết luận được các vấn đề cốt lõi của thực trạng nghiên cứu.
	Lập luận Đưa ra giải pháp	20	Hoàn toàn chặt chẽ, logic.	Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng	Tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa đảm bảo gây ảnh hưởng	Không chặt chẽ, logic
Thái độ và trách	Thái độ và trách	5	Tinh thần tuân thủ nguyên	Tinh thần tuân thủ nguyên tắc	Có tinh thần tuân thủ	Có tinh thần tuân thủ

nhiệm	nhiệm đạo đức nghề nghiệp		tắc làm việc tại công ty thực tập cao. Có nhận xét tốt của công ty thực tập. Nộp bài và chữa bài đầy đủ theo tiến độ.	làm việc tại công ty thực tập khá cao. Có nhận xét tốt của công ty thực tập. Nộp bài và chữa bài khá đầy đủ theo tiến độ.	nguyên tắc làm việc tại công ty thực tập. Có nhận xét của công ty thực tập. Nộp bài và chữa bài chưa theo tiến độ.	nguyên tắc làm việc tại công ty thực tập. Có nhận xét của công ty thực tập. Nộp bài và chữa bài không đầy đủ
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, format…)	Format	05	Nhất quán về format trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format	Vài chỗ không nhất quán	Rất nhiều chỗ không nhất quán
	Lỗi chính tả	05	Không có lỗi chính tả	Một vài lỗi nhỏ	Lỗi chính tả khá nhiều	Lỗi rất nhiều và do sai chính tả và typing cẩu thả

Rubric 13: Đánh giá Báo cáo Khóa luận tốt nghiệp (Giảng viên phản biện)

Tiêu chí		**Trọng số %**	**Tốt** **8.5 – 10 điểm**	**Khá** **6.5 – 8.4 điểm**	**Trung bình** **4.0 – 6.4 điểm**	**Kém** **0 – 3.9 điểm**
Cấu trúc		05	Cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Tương đối cân đối, hợp lý	Không cân đối, thiếu hợp lý

Nội dung	Nêu vấn đề	10	Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu phù hợp được viết khoa học, rõ ràng	Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu phù hợp với đề tài	Phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu phù hợp nhưng chưa được viết khoa học, rõ ràng.	Phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu chưa phù hợp.
	Nền tảng lý thuyết	20	Trình bày quan điểm lý thuyết phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết khá phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết tương đối phù hợp	Trình bày chưa rõ quan điểm lý thuyết phù hợp
	Nghiên cứu thực trạng	30	Trình bày rõ ràng, đầy đủ về thực trạng nghiên cứu	Trình bày rõ ràng, khá đầy đủ về thực trạng nghiên cứu	Trình bày tương đối đầy đủ về thực trạng nghiên cứu	Trình bày không rõ ràng, chưa đầy đủ về thực trạng nghiên cứu
	Lập luận Đưa ra giải pháp	20	Hoàn toàn chặt chẽ, logic	Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng	Tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa đảm bảo gây ảnh hưởng	Không chặt chẽ, logic
Kết luận		5	Phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và đầy đủ
Hình thức trình bày (font chữ,	Format	05	Nhất quán về format trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format	Vài chỗ không nhất quán	Rất nhiều chỗ không nhất quán

căn lề, format…)	Lỗi chính tả	05	Không có lỗi chính tả	Một vài lỗi nhỏ	Lỗi chính tả khá nhiều	Lỗi rất nhiều và do sai chính tả và typing cẩu thả

9.4. Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Bảng 7. Mối liên hệ giữa các PPKTĐG và học với các PLO

TT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)											
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
A	**Đánh giá quá trình**												
1	Đánh giá chuyên cần											X	X
2	Đánh giá bài tập (Work Assignment)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)								X	X			
B	**Đánh giá tổng kết**												
4	Kiểm tra viết, tự luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
5	Kiểm tra trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
6	Bảo vệ và thi vấn đáp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X
7	Báo cáo, bài tập lớn, tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
8	Đánh giá báo cáo thực tập				x		X			X	X	X	X
9	Đánh giá Khóa luận tốt nghiệp				x		X			X		X	X

10. Cấu trúc chương trình đào tạo

10.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá:

a) Khối lượng kiến thức toàn khoá 18: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ

+ Phần lý thuyết: 71 tín chỉ

+ Phần thực hành, thực tập, đồ án: 18 tín chỉ

+ Khoá luận tốt nghiệp: *09 tín chỉ*

b) Khối lượng kiến thức toàn khoá 19: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ

+ Phần lý thuyết: *71 tín chỉ*

+ Phần thực hành, thực tập, đồ án: *18 tín chỉ*

+ Khoá luận tốt nghiệp: *09 tín chỉ*

c) Khối lượng kiến thức toàn khoá 20: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ

+ Phần lý thuyết: *71 tín chỉ*

+ Phần thực hành, thực tập, đồ án: *18 tín chỉ*

+ Khoá luận tốt nghiệp: *09 tín chỉ*

10.2. Nội dung chương trình đào tạo

a) Nội dung chương trình đào tạo khóa 18

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL,Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	1. Triết học Mac - Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		
000585	6. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**6**		
001102	7. Xác suất thống kê	KHUD	3	(39, 12, 90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL,Tự học)	Ghi chú
002378	8. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHƯD	3	(39, 12, 90)	x
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	10. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	11. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	12. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	13. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**3**		
002370	14. Kỹ năng phát triển nghề nghiệp Logistics	TM	1	(15, 0, 30)	x
002129	15. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002151	16. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
	1.6. Giáo dục thể chất		**4**		
000718	18.Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	19.Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	20.Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	21.Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng		**8**		
002200	22. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP&AN	3	(37, 16, 0)	x
002201	23. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP&AN	2	(22, 16, 0)	x
002202	24. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP&AN	1	(7, 16, 0)	x
002203	25. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP&AN	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		***25***		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		*17*		
000564	26. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000565	27. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000681	28. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001201	29. Quản trị học	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
000519	30. Văn hóa Kinh doanh	TM	2	(26, 8, 60)	x
001269	31. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001717	33. Kế toán doanh nghiệp	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
	2.1.2. Kiến thức tự chọn: Chọn 3 trong các học phần		*8*		
	Tự chọn 1				
001333	33a. Marketing thương mại	QT&Mar	3	(39,12,90)	
001104	33b. Marketing căn bản	QT&Mar	3	(39, 12, 90)	x
	Tự chọn 2				

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL,Tự học)	Ghi chú
002704	34a. Sở hữu trí tuệ	TM	3	(39,12,90)	
001337	34b. Luật thương mại	TM	3	(39, 12, 90)	x
	Tự chọn 3				
003301	35b. Nhập môn quản lý chuỗi cung ứng	TM	2	(26,8,60)	
000566	35a. Lịch sử các học thuyết kinh tế	TM	2	(26, 8, 60)	x
	2.2. Kiến thức cốt lõi của ngành		***48***		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		*33*		
001390	36. Kỹ thuật dự báo thị trường	TM	3	(39,12,90)	x
002373	37. Tiểu luận 1: Dự báo thị trường	TM	2	(0,60,60)	x
003476	38. Nghiệp vụ xuất nhập khẩu_TM	TM	3	(39,12,90)	x
002061	39. Nghiệp vụ hải quan	TM	3	(39,12,90)	x
002376	40. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	x
003477	41. Thực hành nghiệp vụ xuất nhập khẩu_TM	TM	3	(0,90,90)	x
001475	42. Logistics	TM	3	(39,12,90)	x
003302	43. Quản trị kho	TM	2	(26,8,60)	x
003303	44. Giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	TM	2	(26,8,60)	x
003304	45. Thực hành Quản trị kho	TM	3	(0,90,90)	x
003305	46. Thực hành giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	TM	3	(0,90,90)	x
002365	47. Tin học ứng dụng Logistics và chuỗi cung ứng	TM	3	(0,90,90)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 5 trong các học phần)		*15*		
	Tự chọn 1:				
001423	48a. Quản lý quan hệ khách hàng	TM	3	(39,12,90)	
002827	48b. Nghiệp vụ bán hàng	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 2:				
000497	49a. Quản trị nhân lực	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
002697	49b. Quản trị tài chính trong doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 3:				
001602	50a. Logistics trong thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	
002694	50b. Chính sách thương mại quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 4:				

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL,Tự học)	Ghi chú
002440	51a. Kinh doanh quốc tế	TM	3	(39,12,90)	
001288	51b. Thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 5				
001116	52a. Phân tích tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(39,12,90)	
002366	52b. Phân tích kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng *(chọn theo Module)*		***25***		
	2.3.1. Module 1: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng				
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc				
003307	1.53. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp Logistics	TM	2	(0,60,60)	x
002357	1.54. Quản lý mua hàng	TM	3	(39,12,90)	x
003308	1.55. Quản trị chuỗi cung ứng doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)				
001606	1.56a. Cơ sở hạ tầng Logistics	TM	3	(39,12,90)	
003309	1.56b. Phát triển bền vững trong Logistics và chuỗi cung ứng	TM	3	(39,12,90)	x
002371	**57. Thực tập cuối khóa**	**TM**	**5**	**(0,300,0)**	x
002372	**58. Khóa luận tốt nghiệp**	**TM**	**9**	**(0,540,0)**	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003311	2.59. Chuyên đề 1: Hợp đồng trong hoạt động ngoại thương	TM	3	(0,90,90)	x
003292	2.60. Chuyên đề 2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	TM	3	(0,90,90)	x
003312	161. Chuyên đề 3: Tối ưu hóa chuỗi cung ứng doanh nghiệp	TM	3	(0,90,90)	x
	2.3.2. Modun 2: Hải quan và dịch vụ Logistics				
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc				
002698	2.53. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp Xuất nhập khẩu	TM	2	(0, 60, 60)	X
002699	2.54. Phân loại và xuất xứ hàng hóa	TM	3	(39,12,90)	X
002701	2.55. Trị giá hải quan và thuế	TM	3	(39,12, 90)	X
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)				
003298	2.56a. Luật thuế	TM	3	(0,90,90)	

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL,Tự học)	Ghi chú
002700	2.56b. Luật hải quan	TM	3	(39,12,90)	x
002371	**57. Thực tập cuối khóa**	**TM**	**5**	**(0,300,0)**	x
002372	**58. Khóa luận tốt nghiệp**	**TM**	**9**	**(0,540,0)**	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003311	2.59. Chuyên đề 1: Hợp đồng trong hoạt động ngoại thương	TM	3	(0,90,90)	x
003292	2.60. Chuyên đề 2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	TM	3	(0,90,90)	x
003313	2.61. Chuyên đề 3: Dịch vụ hải quan	TM	3	(0,90,90)	x

UNETI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

b) Nội dung chương trình đào tạo khóa 19

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL,Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	1. Triết học Mac - Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		
000585	6. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**6**		
001102	7. Xác suất thống kê	KHƯD	3	(39, 12, 90)	x
002378	8. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHƯD	3	(39, 12, 90)	x
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	10. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	11. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	12. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	13. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**3**		
002370	14. Kỹ năng phát triển nghề nghiệp Logistics	TM	1	(15, 0, 30)	x
002129	15. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002151	16. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
	1.6. Giáo dục thể chất		**4**		
000718	18.Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	19.Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	20.Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	21.Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng		**8**		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL,Tự học)	Ghi chú
002200	22. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP&AN	3	(37, 16, 0)	x
002201	23. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP&AN	2	(22, 16, 0)	x
002202	24. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP&AN	1	(7, 16, 0)	x
002203	25. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP&AN	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		***25***		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		*19*		
000564	26. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000565	27. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000681	28. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001201	29. Quản trị học	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x
000519	30. Văn hóa Kinh doanh	TM	2	(26, 8, 60)	x
001269	31. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001334	32. Kinh tế thương mại	TM	3	(39, 12, 90)	x
000566	33. Lịch sử các học thuyết kinh tế	TM	2	(26, 8, 60)	x
	2.1.2. Kiến thức tự chọn: Chọn 2 trong các học phần		*6*		
	Tự chọn 1				
001333	33a. Marketing thương mại	QT&Mar	3	(39,12,90)	
001104	33b. Marketing căn bản	QT&Mar	3	(39, 12, 90)	x
	Tự chọn 2				
002704	34a. Sở hữu trí tuệ	TM	3	(39,12,90)	
001337	34b. Luật thương mại	TM	3	(39, 12, 90)	x
	2.2. Kiến thức cốt lõi của ngành		***48***		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		*33*		
001390	36. Kỹ thuật dự báo thị trường	TM	3	(39,12,90)	x
002373	37. Tiểu luận 1: Dự báo thị trường	TM	2	(0,60,60)	x
003476	38. Nghiệp vụ xuất nhập khẩu_TM	TM	3	(39,12,90)	x
002061	39. Nghiệp vụ hải quan	TM	3	(39,12,90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL,Tự học)	Ghi chú
002376	40. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	x
003477	41. Thực hành nghiệp vụ xuất nhập khẩu_TM	TM	3	(0,90,90)	x
001475	42. Logistics	TM	3	(39,12,90)	x
003302	43. Quản trị kho	TM	2	(26,8,60)	x
003303	44. Giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	TM	2	(26,8,60)	x
003304	45. Thực hành Quản trị kho	TM	3	(0,90,90)	x
003305	46. Thực hành giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	TM	3	(0,90,90)	x
002365	47. Tin học ứng dụng Logistics và chuỗi cung ứng	TM	3	(0,90,90)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 5 trong các học phần)		*15*		
	Tự chọn 1:				
001423	48a. Quản lý quan hệ khách hàng	TM	3	(39,12,90)	
002827	48b. Nghiệp vụ bán hàng	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 2:				
000497	49a. Quản trị nhân lực	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
002697	49b. Quản trị tài chính trong doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 3:				
003306	50a. Quản trị kinh doanh dịch vụ Logistics	TM	3	(39,12,90)	
002694	50b. Chính sách thương mại quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 4:				
002440	51a. Kinh doanh quốc tế	TM	3	(39,12,90)	
001288	51b. Thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 5				
001116	52a. Phân tích tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(39,12,90)	
002366	52b. Phân tích kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL,Tự học)	Ghi chú
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng *(chọn theo Module)*		***25***		
	2.3.1. Module 1: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng				
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc				
003307	1.53. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp Logistics	TM	2	(0,60,60)	x
002357	1.54. Quản lý mua hàng	TM	3	(39,12,90)	x
003308	1.55. Quản trị chuỗi cung ứng doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)				
001606	1.56a. Cơ sở hạ tầng Logistics	TM	3	(39,12,90)	
003309	1.56b. Phát triển bền vững trong Logistics và chuỗi cung ứng	TM	3	(39,12,90)	x
002371	**57. Thực tập cuối khóa**	**TM**	**5**	**(0,300,0)**	x
002372	**58. Khóa luận tốt nghiệp**	**TM**	**9**	**(0,540,0)**	x
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003311	2.59. Chuyên đề 1: Hợp đồng trong hoạt động ngoại thương	TM	3	(0,90,90)	x
003292	2.60. Chuyên đề 2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	TM	3	(0,90,90)	x
003312	161. Chuyên đề 3: Tối ưu hóa chuỗi cung ứng doanh nghiệp	TM	3	(0,90,90)	x
	2.3.2. Module 2: Hải quan và dịch vụ Logistics				
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc				
002698	2.53. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp Xuất nhập khẩu	TM	2	(0, 60, 60)	X
002699	2.54. Phân loại và xuất xứ hàng hóa	TM	3	(39,12,90)	X
002701	2.55. Trị giá hải quan và thuế	TM	3	(39,12, 90)	X

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL,Tự học)	Ghi chú
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)				
003298	2.56a. Luật thuế	TM	3	(0,90,90)	
002700	2.56b. Luật hải quan	TM	3	(39,12,90)	x
002371	**57. Thực tập cuối khóa**	**TM**	**5**	**(0,300,0)**	x
002372	**58. Khóa luận tốt nghiệp**	**TM**	**9**	**(0,540,0)**	x
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003311	2.59. Chuyên đề 1: Hợp đồng trong hoạt động ngoại thương	TM	3	(0,90,90)	x
003292	2.60. Chuyên đề 2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	TM	3	(0,90,90)	x
003313	2.61. Chuyên đề 3: Dịch vụ hải quan	TM	3	(0,90,90)	x

c) Nội dung chương trình đào tạo khóa 20

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	1. Triết học Mac - Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		
000585	6. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**5**		
001351	7. Xác suất thống kê	KHƯD	2	(26, 8, 60)	x
003283	8. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHƯD	2	(26, 8, 60)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002967	9. Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	10. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	11. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	12. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	13. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**4**		
002370	14. Kỹ năng phát triển nghề nghiệp Logistics	TM	1	(15, 0, 30)	x
002129	15. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002151	16. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002969	17. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x
	1.6. Giáo dục thể chất		**4**		
000718	18.Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	19.Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	20.Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	21.Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng		**8**		
002200	22. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP&AN	3	(37, 16, 0)	x
002201	23. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP&AN	2	(22, 16, 0)	x
002202	24. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP&AN	1	(7, 16, 0)	x
002203	25. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP&AN	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		***25***		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		*17*		
000564	26. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000565	27. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000681	28. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001201	29. Quản trị học	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
000519	30. Văn hóa Kinh doanh	TM	2	(26, 8, 60)	x
001269	31. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001334	32. Kinh tế thương mại	TM	3	(39, 12, 90)	x
	2.1.2. Kiến thức tự chọn: Chọn 4 trong các học phần		*8*		
	Tự chọn 1				
001333	33a. Marketing thương mại	QT&Mar	3	(39,12,90)	
001104	33b. Marketing căn bản	QT&Mar	3	(39, 12, 90)	x
	Tự chọn 2				
002704	34a. Sở hữu trí tuệ	TM	3	(39,12,90)	
001337	34b. Luật thương mại	TM	3	(39, 12, 90)	x
	Tự chọn 3				
000563	35b. Kinh tế quốc tế	TM	2	(26,8,60)	
003301	35b. Nhập môn quản lý chuỗi cung ứng	TM	2	(26,8,60)	x
	2.2. Kiến thức cốt lõi của ngành		***48***		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		*33*		
001390	36. Kỹ thuật dự báo thị trường	TM	3	(39,12,90)	x
002373	37. Tiểu luận 1: Dự báo thị trường	TM	2	(0,60,60)	x
003476	38. Nghiệp vụ xuất nhập khẩu_TM	TM	3	(39,12,90)	x
002061	39. Nghiệp vụ hải quan	TM	3	(39,12,90)	x
002376	40. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	x
003477	41. Thực hành nghiệp vụ xuất nhập khẩu_TM	TM	3	(0,90,90)	x
001475	42. Logistics	TM	3	(39,12,90)	x
003302	43. Quản trị kho	TM	2	(26,8,60)	x
003303	44. Giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	TM	2	(26,8,60)	x
003304	45. Thực hành Quản trị kho	TM	3	(0,90,90)	x
003305	46. Thực hành giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	TM	3	(0,90,90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002365	47. Tin học ứng dụng Logistics và chuỗi cung ứng	TM	3	(0,90,90)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 5 trong các học phần)		*15*		
	Tự chọn 1:				
001423	48a. Quản lý quan hệ khách hàng	TM	3	(39,12,90)	
002827	48b. Nghiệp vụ bán hàng	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 2:				
000497	49a. Quản trị nhân lực	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
002697	49b. Quản trị tài chính trong doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 3:				
003306	50a. Quản trị kinh doanh dịch vụ Logistics	TM	3	(39,12,90)	
002694	50b. Chính sách thương mại quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 4:				
002440	51a. Kinh doanh quốc tế	TM	3	(39,12,90)	
001288	51b. Thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	x
	Tự chọn 5				
001116	52a. Phân tích tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(39,12,90)	
002366	52b. Phân tích kinh doanh	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng *(chọn theo Module)*		***25***		
	2.3.1. Module 1: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng				
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc				
003307	153. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp Logistics	TM	2	(0,60,60)	x
002357	154. Quản lý mua hàng	TM	3	(39,12,90)	x
003308	155. Quản trị chuỗi cung ứng doanh nghiệp	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)				

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001606	156a. Cơ sở hạ tầng Logistics	TM	3	(39,12,90)	
003309	156b. Phát triển bền vững trong Logistics và chuỗi cung ứng	TM	3	(39,12,90)	x
002371	**1.57. Thực tập cuối khóa**	**TM**	**5**	**(0,300,0)**	x
002372	**1.58. Khóa luận tốt nghiệp**	**TM**	**9**	**(0,540,0)**	x
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003311	2.59. Chuyên đề 1: Hợp đồng trong hoạt động ngoại thương	TM	3	(0,90,90)	x
003292	2.60. Chuyên đề 2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	TM	3	(0,90,90)	x
003312	161. Chuyên đề 3: Tối ưu hóa chuỗi cung ứng doanh nghiệp	TM	3	(0,90,90)	x
	2.3.2. Module 2: Hải quan và dịch vụ Logistics				
	2.3.1.1. Kiến thức bắt buộc				
002698	2.53. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp Xuất nhập khẩu	TM	2	(0, 60, 60)	X
002699	2.54. Phân loại và xuất xứ hàng hóa	TM	3	(39,12,90)	X
002701	2.55. Trị giá hải quan và thuế	TM	3	(39,12, 90)	X
	2.3.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)				
003298	2.56a. Luật thuế	TM	3	(0,90,90)	
002700	2.56b. Luật hải quan	TM	3	(39,12,90)	x
002371	**57. Thực tập cuối khóa**	**TM**	**5**	**(0,300,0)**	x
002372	**58. Khóa luận tốt nghiệp**	**TM**	**9**	**(0,540,0)**	x
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003311	2.59. Chuyên đề 1: Hợp đồng trong hoạt động ngoại thương	TM	3	(0,90,90)	x
003292	2.60. Chuyên đề 2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	TM	3	(0,90,90)	x
003313	2.61. Chuyên đề 3: Dịch vụ hải quan	TM	3	(0,90,90)	x

10.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

STT	Học phần	Số tín chỉ
Học kỳ 1 (19 TC)		
1	Triết học Mác-Lênin	3
2	Xác suất thống kê	2
3	Toán ứng dụng trong kinh tế	2
4	Pháp luật đại cương	2
5	Giáo dục thể chất 1	1
6	Kinh tế vi mô	2
7	Kỹ năng nhận thức bản thân	1
8	Quản trị học	3
9	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	1
10	Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	2
Học kỳ 2 (20 TC)		
11	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2
12	Lý thuyết hạch toán kế toán	3
13	Tiếng Anh 1	4
14	Giáo dục thể chất 2	1
15	Kinh tế thương mại	3
16	Kinh tế vĩ mô	2
17	Văn hóa kinh doanh	2
18	Marketing căn bản	3
Học kỳ 3 (19 TC)		
19	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	1
20	Quản trị tài chính trong doanh nghiệp	3
21	Tiếng Anh 2	4
22	Luật thương mại	3
23	Giáo dục thể chất 3	1
24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
25	Nhập môn quản lý chuỗi cung ứng	2
26	Nghiệp vụ bán hàng	3
Học kỳ 4 (18 TC)		
27	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
28	Tiếng Anh 3	4
29	Giáo dục thể chất 4	1

30	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp Logistics	1
31	Giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	2
32	Quản trị kho	2
33	Kỹ thuật dự báo thị trường	3
34	Thương mại điện tử	3
Học kỳ 5 (19 TC)		
35	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu_TM	3
36	Tiếng Anh 4	4
37	Giáo dục quốc phòng - HP1	3
38	Giáo dục quốc phòng - HP2	2
39	Giáo dục quốc phòng - HP3	1
40	Giáo dục quốc phòng - HP4	2
41	Thực hành quản trị kho	3
42	Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1
Học kỳ 6 (20 TC)		
43	Phân tích kinh doanh	3
44	Tiểu luận 1: Nghiên cứu và dự báo thị trường	2
45	Thực hành nghiệp vụ xuất nhập khẩu_TM	3
46	Nghiệp vụ hải quan	3
47	Chiến lược và kế hoạch kinh doanh	3
48	Thực hành Giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	3
49	Logistics	3
Học kỳ 7 (19 TC)		
50	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
51	Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh	2
52	Tin học ứng dụng Logistics và chuỗi cung ứng	3
53	Quản lý mua hàng / Phân loại và xuất xứ hàng hóa	3
54	Quản trị chuỗi cung ứng doanh nghiệp / Trị giá hải quan và thuế	3
5	Phát triển bền vững trong Logistics và chuỗi cung ứng / Luật hải quan	3
56	Chính sách thương mại quốc tế	3
Học kỳ 8 (14TC)		
57	Thực tập cuối khóa ngành Logicstic	5
58	Khóa luận tốt nghiệp ngành Logicstic	9
58a	HPTT1: Chuyên đề: Hợp đồng trong hoạt động ngoại thương	3

58b	HPTT2: Chuyên đề: Phân tích dữ liệu kinh doanh	3
58c	HPTT3: Chuyên đề: Tối ưu hóa chuỗi cung ứng doanh nghiệp / Chuyên đề: Dịch vụ hải quan	3

UNETI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

11. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

a) Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) khóa 18

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																									
						Kiến thức										Kỹ năng														Mức tự chủ trách nhiệm	
						thức		Kiến thức chuyên môn								Kỹ năng chung						Kỹ năng chuyên môn									
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.01		PLO4.02		PLO5		PLO6		PLO07		PLO08		PLO09		PLO10.01		PLO10.02		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1.01	PI4.2.01	PI4.1.02	PI4.2.02	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.1.01	PI10.2.01	PI10.1.02	PI10.2.02	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
I	**Kiến thức giáo dục đại cương**																														
1	001535	1. Triết học Mac - Lênin	3	BB	GD ĐC	3,A										2																
2	001536	2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	BB	GD ĐC	3,A										2														2	
3	001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	BB	GD ĐC	2										2														2	
4	000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	BB	GD ĐC	2																								2	
5	001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	BB	GD ĐC	2																								2	
6	000585	6. Pháp luật đại cương	2	BB	GD ĐC	3,A										2														2	
7	002378	8. Toán ứng dụng trong kinh tế	3	BB	GD ĐC		2,A											2												2	
8	001102	7. Xác suất thống kê	3	BB	GD ĐC		2											3,A												2	
10	001942	10. Tiếng Anh 1	4	BB	GD ĐC															2	2										
11	001943	11. Tiếng Anh 2	4	BB	GD ĐC															2	2										
12	001944	12. Tiếng Anh 3	4	BB	GD ĐC															3	3										
13	001945	13. Tiếng Anh 4	4	BB	GD ĐC															3	3										
14	002370	14. Kỹ năng phát triển nghề nghiệp Logistics	1	BB	GD ĐC											3	3,A														
15	002129	15. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	BB	GD ĐC											2	3														
16	002151	16. Kỹ năng nhận thức bản thân	1	BB	KTBT											3	2														
II	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**																														
II.1	**Kiến thức cơ sở ngành**																														
20	000564	26. Kinh tế vi mô	2	BB	GDCN			3																						2	
21	000565	27. Kinh tế vĩ mô	2	BB	GDCN			3																						2	
22	000681	28. Lý thuyết hạch toán kế toán	3	BB	GDCN				3																					2	
23	001201	29. Quản trị học	3	BB	GDCN				2,A																						
24	000519	30. Văn hóa Kinh doanh	2	BB	GDCN			3,A																						2	
25	001269	31. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	2	BB	GDCN			3																						2	
26	001717	32. Kế toán doanh nghiệp	3	BB	GDCN			3																							2
27	001333	33a. Marketing thương mại	3	TC	GDCN				3																						2
	001104	33b. Marketing căn bản	3	TC	GDCN				3																						2

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																										
						Kiến thức										Kỹ năng														Mức tự chủ trách nhiệm			
						thức	Kiến thức chuyên môn									Kỹ năng chung					Kỹ năng chuyên môn											
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.01		PLO4.02		PLO5		PLO6		PLO7		PLO8		PLO9		PLO10.01		PLO10.02		PLO11		PLO12		
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1.01	PI4.2.01	PI4.1.02	PI4.2.02	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.1.01	PI10.2.01	PI10.1.02	PI10.2.02	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2	
28	002704	34a. Sở hữu trí tuệ	3	TC	GDCN				3																					3		
	001337	34b. Luật thương mại	3	TC	GDCN				3																					3		
29	000566	35a. Lịch sử học thuyết kinh tế	2	TC	GDCN					3		2																				
	003301	35b. Nhập môn quản lý chuỗi cung ứng	2	TC	GDCN					3		2																				
II.2	**Kiến thức cốt lõi của ngành**																															
30	001390	36. Kỹ thuật dự báo thị trường	3	BB	GDCN						3,A								3			3										
31	002373	37. Tiểu luận 1: Dự báo thị trường	2	BB	GDCN						3							3	3,A			3,A								3	3	3	3
32	003476	38. Nghiệp vụ xuất nhập khẩu _TM	3	BB	GDCN					3														3								
33	002061	39. Nghiệp vụ hải quan	3	BB	GDCN						3																	3				
34	002376	40. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh	3	BB	GDCN						3												3									
35	003477	41. Thực hành nghiệp vụ xuất nhập khẩu_TM	3	BB	GDCN					3								3						3,A								
36	001475	42. Logistics	3	BB	GDCN					3,A												3										
37	003302	43. Quản trị kho	2	BB	GDCN					3														3								
38	003303	44. Giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	2	BB	GDCN					3														3								
39	003304	45. Thực hành Quản trị kho	3	BB	GDCN					3								3,A						3						3,A		
40	003305	46. Thực hành giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	3	BB	GDCN					3									3					3,A								
41	002365	47. Tin học ứng dụng Logistics và chuỗi cung ứng	3	BB	GDCN					3	3							3	3,A													
42	001423	48a. Quản lý quan hệ khách hàng	3	TC	GDCN						3					3																
	002827	48b. Nghiệp vụ bán hàng	3	TC	GDCN						3					3																
43	000497	49a. Quản trị nhân lực	3	TC	GDCN						3												3									
	002697	49b. Quản trị tài chính trong doanh nghiệp	3	TC	GDCN						3												3									
44	001602	50a. Logistics trong thương mại điện tử	3	TC	GDCN								3																	3		
	002694	50b. Chính sách thương mại quốc tế	3	TC	GDCN										3															3		
45	002440	51a. Kinh doanh quốc tế	3	TC	GDCN						3												3									
	001288	51b. Thương mại điện tử	3	TC	GDCN						3							3					3									
46	001116	52a. Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	TC	GDCN						3											3	3									
	002366	52b. Phân tích kinh doanh	3	TC	GDCN						3											3	3									

Modul 1: Định hướng chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																									
						Kiến thức										Kỹ năng												Mức tự chủ trách nhiệm			
						thức		Kiến thức chuyên môn								Kỹ năng chung						Kỹ năng chuyên môn									
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.01		PLO4.02		PLO5		PLO6		PLO07		PLO08		PLO09		PLO10.01		PLO10.02		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1.01	PI4.2.01	PI4.1.02	PI4.2.02	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.1.01	PI10.2.01	PI10.1.02	PI10.2.02	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
II.3	**Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng (chọn theo Modul)**																														
	Modul 1: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng																														
47	003307	153. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp Logistics	2	BB	GDCN							4										3,A			4,A	4			3,A	3		
48	002357	154. Quản lý mua hàng	3	BB	GDCN							4,A													4,A	4						
49	003308	155. Quản trị chuỗi cung ứng doanh nghiệp	3	BB	GDCN								4,A													4,A						
48	001606	156a. Cơ sở hạ tầng Logistics	3	TC	GDCN								4																			
	003309	156b. Phát triển bền vững trong Logistics và chuỗi cung ứng	3	TC	GDCN								4																			
49	002371	157. Thực tập cuối khóa	5	BB	GDCN							4	4													4	4				3,A	3,A
50	002372	158. Khóa luận tốt nghiệp	9	BB	GDCN							4	4					4								4	4					
51	003311	159. HPTT: Chuyên đề 1: Hợp đồng trong hoạt động ngoại thương	3	BB	GDCN																			3		4						
52	003292	160. HPTT: Chuyên đề 2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	3	BB	GDCN								4														4					
53	003312	161. HPTT: Chuyên đề 3: Tối ưu hóa chuỗi cung ứng doanh nghiệp	3	BB	GDCN							4															4					

Modul 2: Định hướng chuyên ngành Hải quan và dịch vụ Logistics

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																									
						Kiến thức										Kỹ năng														Mức tự chủ trách nhiệm	
						thức		Kiến thức chuyên môn								Kỹ năng chung						Kỹ năng chuyên môn									
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.01		PLO4.02		PLO5		PLO6		PLO07		PLO08		PLO09		PLO10.01		PLO10.02		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1.01	PI4.2.01	PI4.1.02	PI4.2.02	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.1.01	PI10.2.01	PI10.1.02	PI10.2.02	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
	Modul 2: Hải quan và dịch vụ Logistics																														
54	002698	2.53. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp Xuất nhập khẩu	2	BB	GDCN																3,A							3,A	3		
55	002699	2.54. Phân loại và xuất xứ hàng hóa	3	BB	GDCN										4,A												4,A				
56	002701	2.55. Trị giá hải quan và thuế	3	BB	GDCN									4,A													4	4,A			
57	003298	2.56a. Luật thuế	3	TC	GDCN									4	4															3	
	002700	2.56b. Luật hải quan	3	TC	GDCN									4	4														4	3	
58	002371	57. Thực tập cuối khóa	5	BB	GDCN									4	4												4	4		3,A	3,A
59	002372	58. Khóa luận tốt nghiệp	9	BB	GDCN									4	4			4									4	4			
60	003311	2.59. HPTT: Chuyên đề 1: Hợp đồng trong hoạt động ngoại thương	3	BB	GDCN																		3				4				
61	003292	2.60. HPTT: Chuyên đề 2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	3	BB	GDCN										4													3			
62	003313	2.61. Chuyên đề 3: Dịch vụ hải quan	3	BB	GDCN									4				3									4				

ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔN

b) Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) khóa 19

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																									
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)										Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)														Trách nhiệm (Thang Krathwohl 5	
						Kiến thức chung	Kiến thức chuyên môn									Kỹ năng chung						Kỹ năng chuyên môn									
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.01		PLO4.02		PLO5		PLO6		PLO07		PLO08		PLO09		PLO10.01		PLO10.02		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1.01	PI4.2.01	PI4.1.02	PI4.2.02	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.1.01	P10.2.01	PI10.1.02	P10.2.02	PI11.1	PI1.2	PI12.1	P12.2
I	**Kiến thức giáo dục đại cương**																														
1	001535	1. Triết học Mac - Lênin	3	BB	GD ĐC	3,A										2															
2	001536	2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	BB	GD ĐC	3,A										2														2	
3	001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	BB	GD ĐC	2										2														2	
4	000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	BB	GD ĐC	2																								2	
5	001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	BB	GD ĐC	2																								2	
6	000585	6. Pháp luật đại cương	2	BB	GD ĐC	3,A										2														2	
7	001102	7. Xác suất thống kê	3	BB	GD ĐC		2,A											2													2	
8	002378	8. Toán ứng dụng trong kinh tế	3	BB	GD ĐC		2											3,A													2	
10	001942	10. Tiếng Anh 1	4	BB	GD ĐC															2	2										
11	001943	11. Tiếng Anh 2	4	BB	GD ĐC															2	2										
12	001944	12. Tiếng Anh 3	4	BB	GD ĐC															3	3										
13	001945	13. Tiếng Anh 4	4	BB	GD ĐC															3	3										
14	002370	14. Kỹ năng phát triển nghề nghiệp Logistics	1	BB	GD ĐC											3	3,A														
15	002129	15. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	BB	GD ĐC											2	3														
16	002151	16. Kỹ năng nhận thức bản thân	1	BB	KTBT											3	2														
II	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**																														
II.1	**Kiến thức cơ sở ngành**																														
20	000564	26. Kinh tế vi mô	2	BB	GDCN			3																					2		
21	000565	27. Kinh tế vĩ mô	2	BB	GDCN			3																					2		
22	000681	28. Lý thuyết hạch toán kế toán	3	BB	GDCN				3																				2		
23	001201	29. Quản trị học	3	BB	GDCN				2,A																						
24	000519	30. Văn hóa Kinh doanh	2	BB	GDCN			3																						2	
25	001269	31. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	2	BB	GDCN			3																						2	
26	001334	32. Kinh tế thương mại	3	BB	GDCN			3,A																					2		
27	000566	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	BB	GDCN					3																					
28	001333	33a. Marketing thương mại	3	TC	GDCN				3																				2		
	001104	33b. Marketing căn bản	3	TC	GDCN				3																				2		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																							
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)										Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)												Trách nhiệm (Thang Krathwohl 5	
						Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn								Kỹ năng chung						Kỹ năng chuyên môn									
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.01		PLO4.02		PLO5		PLO6		PLO07		PLO08		PLO09		PLO10.01		PLO10.02		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1.01	PI4.2.01	PI4.1.02	PI4.2.02	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.1.01	P10.2.01	PI10.1.02	P10.2.02	PI11.1	PI1.2	PI12.1	P12.2
28	001333	33a. Marketing thương mại	3	TC	GDCN				3																				2		
	001104	33b. Marketing căn bản	3	TC	GDCN				3																				2		
29	002704	34a. Sở hữu trí tuệ	3	TC	GDCN				3																					3	
	001337	34b. Luật thương mại	3	TC	GDCN				3																					3	
II.2	**Kiến thức cốt lõi của ngành**																														
30	001390	36. Kỹ thuật dự báo thị trường	3	BB	GDCN						3,A								3			3									
31	002373	37. Tiểu luận 1: Dự báo thị trường	2	BB	GDCN						3							3	3,A			3,A							3	3	3	3
32	003476	38. Nghiệp vụ xuất nhập khẩu_TM	3	BB	GDCN					3														3							
33	002061	39. Nghiệp vụ hải quan	3	BB	GDCN						3																3				
34	002376	40. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh	3	BB	GDCN						3												3								
35	003477	41. Thực hành nghiệp vụ xuất nhập khẩu_TM	3	BB	GDCN					3								3						3,A							
36	001475	42. Logistics	3	BB	GDCN					3,A												3									
37	003302	43. Quản trị kho	2	BB	GDCN					3														3							
38	003303	44. Giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	2	BB	GDCN					3														3							
39	003304	45. Thực hành Quản trị kho	3	BB	GDCN					3								3,A						3						3,A	
40	003305	46. Thực hành giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	3	BB	GDCN					3									3					3,A							
41	002365	47. Tin học ứng dụng Logistics và chuỗi cung ứng	3	BB	GDCN					3	3							3	3,A												
42	001423	48a. Quản lý quan hệ khách hàng	3	TC	GDCN						3					3															
	002827	48b. Nghiệp vụ bán hàng	3	TC	GDCN						3					3															
43	000497	49a. Quản trị nhân lực	3	TC	GDCN						3												3								
	002697	49b. Quản trị tài chính trong doanh nghiệp	3	TC	GDCN						3												3								
44	003306	50a. Quản trị kinh doanh dịch vụ Logistics	3	TC	GDCN								3																	3	
	002694	50b. Chính sách thương mại quốc tế	3	TC	GDCN										3															3	
45	002440	51a. Kinh doanh quốc tế	3	TC	GDCN						3													3							
	001288	51b. Thương mại điện tử	3	TC	GDCN						3							3						3							
46	001116	52a. Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	TC	GDCN						3											3	3								
	002366	52b. Phân tích kinh doanh	3	TC	GDCN						3											3	3								

Modul 1: Định hướng chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																									
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)										Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)														Trách nhiệm (Thang Krathwohl 5			
						Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn								Kỹ năng chung						Kỹ năng chuyên môn											
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.01		PLO4.02		PLO5		PLO6		PLO07		PLO08		PLO09		PLO10.01		PLO10.02		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1.01	PI4.2.01	PI4.1.02	PI4.2.02	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.1.01	PI10.2.01	PI10.1.02	PI10.2.02	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
II.3	**Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng (chọn theo Modul)**																														
	Modul 1: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng																														
47	003307	153. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp Logistics	2	BB	GDCN							4										3,A			4,A	4			3,A	3		
48	002357	154. Quản lý mua hàng	3	BB	GDCN							4,A													4,A	4						
49	003308	155. Quản trị chuỗi cung ứng doanh nghiệp	3	BB	GDCN								4,A													4,A						
48	001606	156a. Cơ sở hạ tầng Logistics	3	TC	GDCN								4																			
	003309	156b. Phát triển bền vững trong Logistics và chuỗi cung ứng	3	TC	GDCN								4																			
49	002371	157. Thực tập cuối khóa	5	BB	GDCN							4	4													4	4					3,A	3,A
50	002372	158. Khóa luận tốt nghiệp	9	BB	GDCN							4	4					4								4	4						
51	003311	159. HPTT: Chuyên đề 1: Hợp đồng trong hoạt động ngoại thương	3	BB	GDCN																			3		4							
52	003292	160. HPTT: Chuyên đề 2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	3	BB	GDCN								4														4						
53	003312	161. HPTT: Chuyên đề 3: Tối ưu hóa chuỗi cung ứng doanh nghiệp	3	BB	GDCN							4															4						

Modul 2: Định hướng chuyên ngành Hải quan và dịch vụ Logistics

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																									
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)										Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)														Trách nhiệm (Thang	
						Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn								Kỹ năng chung						Kỹ năng chuyên môn									
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.01		PLO4.02		PLO5		PLO6		PLO07		PLO08		PLO09		PLO10.01		PLO10.02		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1.01	PI4.2.01	PI4.1.02	PI4.2.02	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.1.01	P10.2.01	PI10.1.02	P10.2.02	PI11.1	P11.2	PI12.1	P12.2
		cung ứng doanh nghiệp																													
	Modul 2: Hải quan và dịch vụ Logistics																														
54	002698	2.53. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp Xuất nhập khẩu	2	BB	GDCN										4,A							3,A							3,A	3		
55	002699	2.54. Phân loại và xuất xứ hàng hóa	3	BB	GDCN																							4,A					
56	002701	2.55. Trị giá hải quan và thuế	3	BB	GDCN									4,A														4	4,A				
57	003298	2.56a. Luật thuế	3	TC	GDCN									4	4																3		
	002700	2.56b. Luật hải quan	3	TC	GDCN									4	4														4		3		
58	002371	57. Thực tập cuối khóa	5	BB	GDCN									4	4													4	4			3,A	3,A
59	002372	58. Khóa luận tốt nghiệp	9	BB	GDCN									4	4			4										4	4				
60	003311	2.59. HPTT: Chuyên đề 1: Hợp đồng trong hoạt động ngoại thương	3	BB	GDCN																				3			4					
61	003292	2.60. HPTT: Chuyên đề 2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	3	BB	GDCN										4														3				
62	003313	2.61. Chuyên đề 3: Dịch vụ hải quan	3	BB	GDCN									4				3										4					

c) Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) khóa 20

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																									
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)										Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)														Trách nhiệm (Thang Krathwohl 5	
						Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn								Kỹ năng chung						Kỹ năng chuyên môn									
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.01		PLO4.02		PLO5		PLO6		PLO07		PLO08		PLO09		PLO10.01		PLO10.02		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1.01	PI4.2.01	PI4.1.02	PI4.2.02	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.1.01	PI10.2.01	PI10.1.02	PI10.2.02	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
I	**Giáo dục đại cương**																														
1	001535	1. Triết học Mac - Lênin	3	BB	GDĐC	3,A										2																
2	001536	2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	BB	GDĐC	3,A										2															2	
3	001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	BB	GDĐC	2										2															2	
4	000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	BB	GDĐC	2																									2	
5	001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	BB	GDĐC	2																									2	
6	000585	6. Pháp luật đại cương	2	BB	GDĐC	3,A										2															2	
7	001351	7. Xác suất thống kê	2	BB	GDĐC		2,A											2														2	
8	003283	8. Toán ứng dụng trong kinh tế	2	BB	GDĐC		3,A											2														2	
9	002967	9. Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	1	BB	GDĐC													3	2														
10	001942	10. Tiếng Anh 1	4	BB	GDĐC															2	2												
11	001943	11. Tiếng Anh 2	4	BB	GDĐC															2	2												
12	001944	12. Tiếng Anh 3	4	BB	GDĐC															3	3												
13	001945	13. Tiếng Anh 4	4	BB	GDĐC															3	3												
14	002370	14. Kỹ năng phát triển nghề nghiệp Logistics	1	BB	GDĐC											3	3,A																
15	002129	15. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	1	BB	GDĐC											2	3																
16	002151	16. Kỹ năng nhận thức bản thân	1	BB	KTBT											3	2																
17	002969	17. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	1	BB	GDĐC											2	3	2															
II	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**																														
II.1	**Cơ sở ngành**																														
20	000564	26. Kinh tế vi mô	2	BB	CSN			3																						2			
21	000565	27. Kinh tế vĩ mô	2	BB	CSN			3																						2			
22	000681	28. Lý thuyết hạch toán kế toán	3	BB	CSN				3																					2			
23	001201	29. Quản trị học	3	BB	CSN				2,A																								
24	000519	30. Văn hóa Kinh doanh	2	BB	CSN			3																								2	
25	001269	31. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	2	BB	CSN			3																								2	
26	001334	32. Kinh tế thương mại	3	BB	CSN			3,A																							2		
27	001333	33a. Marketing thương mại	3	TC	CSN				3																						2		
	001104	33b. Marketing căn bản	3	TC	CSN				3																						2		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																									
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)										Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)														Trách nhiệm (Thang Krathwohl 5		
						Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn								Kỹ năng chung						Kỹ năng chuyên môn											
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.01		PLO4.02		PLO5		PLO6		PLO07		PLO08		PLO09		PLO10.01		PLO10.02		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1.01	PI4.2.01	PI4.1.02	PI4.2.02	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.1.01	PI10.2.01	PI10.1.02	PI10.2.02	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
28	002704	34a. Sở hữu trí tuệ	3	TC	CSN				3																					3	
	001337	34b. Luật thương mại	3	TC	CSN				3																					3	
29	000563	35a. Kinh tế quốc tế	2	TC	CSN					3		2																			
	003301	35b. Nhập môn quản lý chuỗi cung ứng	2	TC	CSN					3		2																			
II.2	**Cốt lõi ngành**																														
30	001390	36. Kỹ thuật dự báo thị trường	3	BB	CLN						3,A								3			3									
31	002373	37. Tiểu luận 1: Dự báo thị trường	2	BB	CLN						3							3	3,A			3,A								3	3	3	3
32	003476	38. Nghiệp vụ xuất nhập khẩu_TM	3	BB	CLN					3														3							
33	002061	39. Nghiệp vụ hải quan	3	BB	CLN						3																	3				
34	002376	40. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh	3	BB	CLN						3												3									
35	003477	41. Thực hành nghiệp vụ xuất nhập khẩu_TM	3	BB	CLN					3								3						3,A								
36	001475	42. Logistics	3	BB	CLN					3,A												3										
37	003302	43. Quản trị kho	2	BB	CLN					3														3								
38	003303	44. Giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	2	BB	CLN					3														3								
39	003304	45. Thực hành Quản trị kho	3	BB	CLN					3								3,A						3						3,A		
40	003305	46. Thực hành giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	3	BB	CLN					3									3					3,A								
41	002365	47. Tin học ứng dụng Logistics và chuỗi cung ứng	3	BB	CLN					3	3							3	3,A													
42	001423	48a. Quản lý quan hệ khách hàng	3	TC	CLN						3					3																
	002827	48b. Nghiệp vụ bán hàng	3	TC	CLN						3					3																
43	000497	49a. Quản trị nhân lực	3	TC	CLN						3												3									
	002697	49b. Quản trị tài chính trong doanh nghiệp	3	TC	CLN						3												3									
44	003306	50a. Quản trị kinh doanh dịch vụ Logistics	3	TC	CLN								3																	3	
	002694	50b. Chính sách thương mại quốc tế	3	TC	CLN										3															3	
45	002440	51a. Kinh doanh quốc tế	3	TC	CLN						3													3								
	001288	51b. Thương mại điện tử	3	TC	CLN						3							3						3								
46	001116	52a. Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	TC	CLN						3											3	3									
	002366	52b. Phân tích kinh doanh	3	TC	CLN						3											3	3									

Modul 1: Định hướng chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

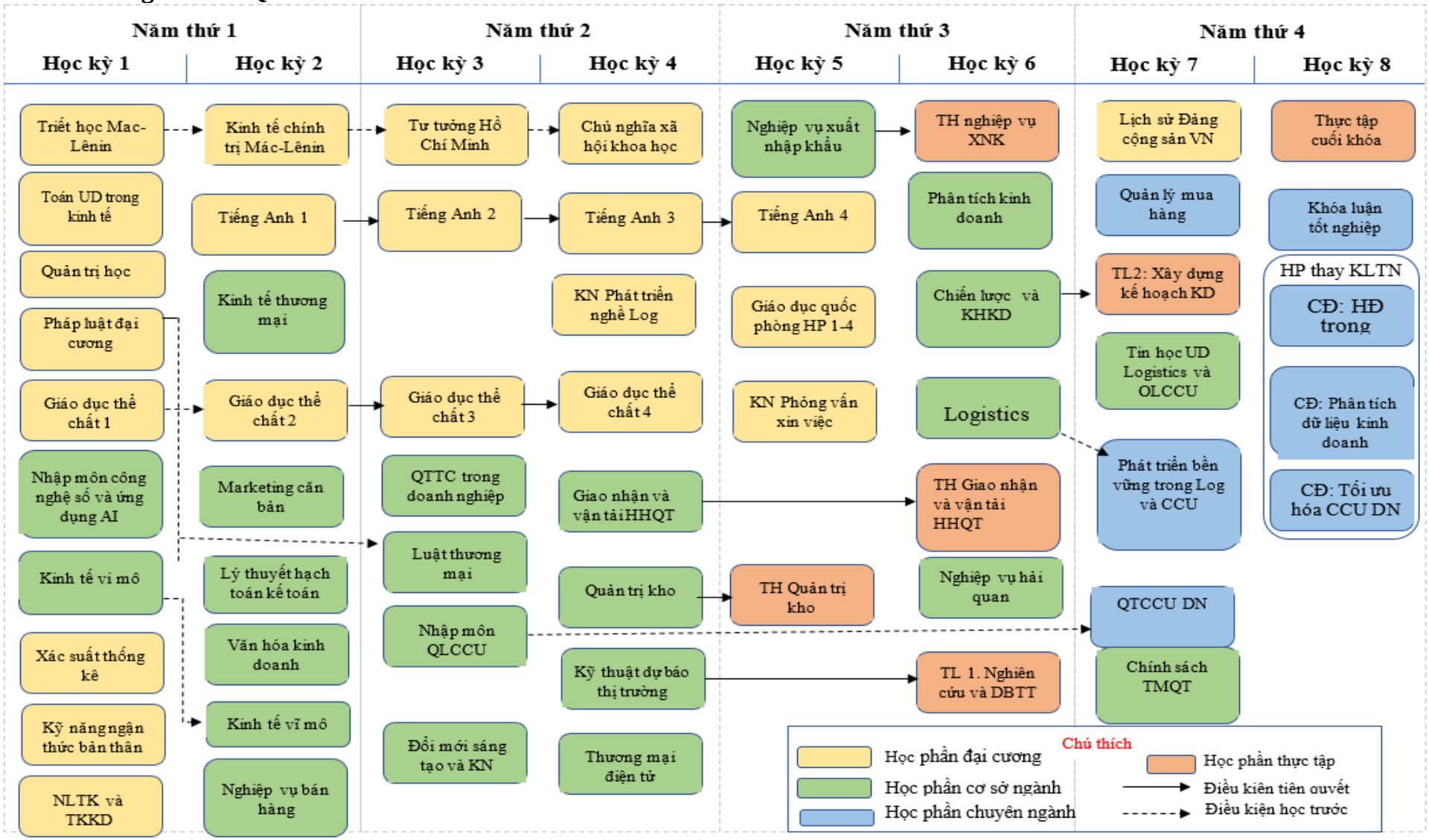
TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																									
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)										Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)														Trách nhiệm (Thang Krathwohl 5		
						Kiến thức chung	Kiến thức chuyên môn									Kỹ năng chung						Kỹ năng chuyên môn											
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.01		PLO4.02		PLO5		PLO6		PLO07		PLO08		PLO09		PLO10.01		PLO10.02		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1.01	PI4.2.01	PI4.1.02	PI4.2.02	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.1.01	PI10.2.01	PI10.1.02	PI10.2.02	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
II.3	**CN: TC theo định hướng ứng dụng (chọn theo Modul)**																														
	Modul 1: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng																														
47	003307	153. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp Logistics	2	BB	CN							4										3,A			4,A	4			3,A	3		
48	002357	154. Quản lý mua hàng	3	BB	CN							4,A													4,A	4						
49	003308	155. Quản trị chuỗi cung ứng doanh nghiệp	3	BB	CN								4,A													4,A						
48	001606	156a. Cơ sở hạ tầng Logistics	3	TC	CN								4																			
	003309	156b. Phát triển bền vững trong Logistics và chuỗi cung ứng	3	TC	CN								4																			
49	002371	157. Thực tập cuối khóa	5	BB	CN							4	4												4	4					3,A	3,A
50	002372	158. Khóa luận tốt nghiệp	9	BB	CN							4	4					4							4	4						
51	003311	159. HPTT: Chuyên đề 1: Hợp đồng trong hoạt động ngoại thương	3	BB	CN																			3	4						
52	003292	160. HPTT: Chuyên đề 2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	3	BB	CN								4													4						
53	003312	161. HPTT: Chuyên đề 3: Tối ưu hóa chuỗi cung ứng doanh nghiệp	3	BB	CN							4														4						

Modul 2: Định hướng chuyên ngành Hải quan và dịch vụ Logistics

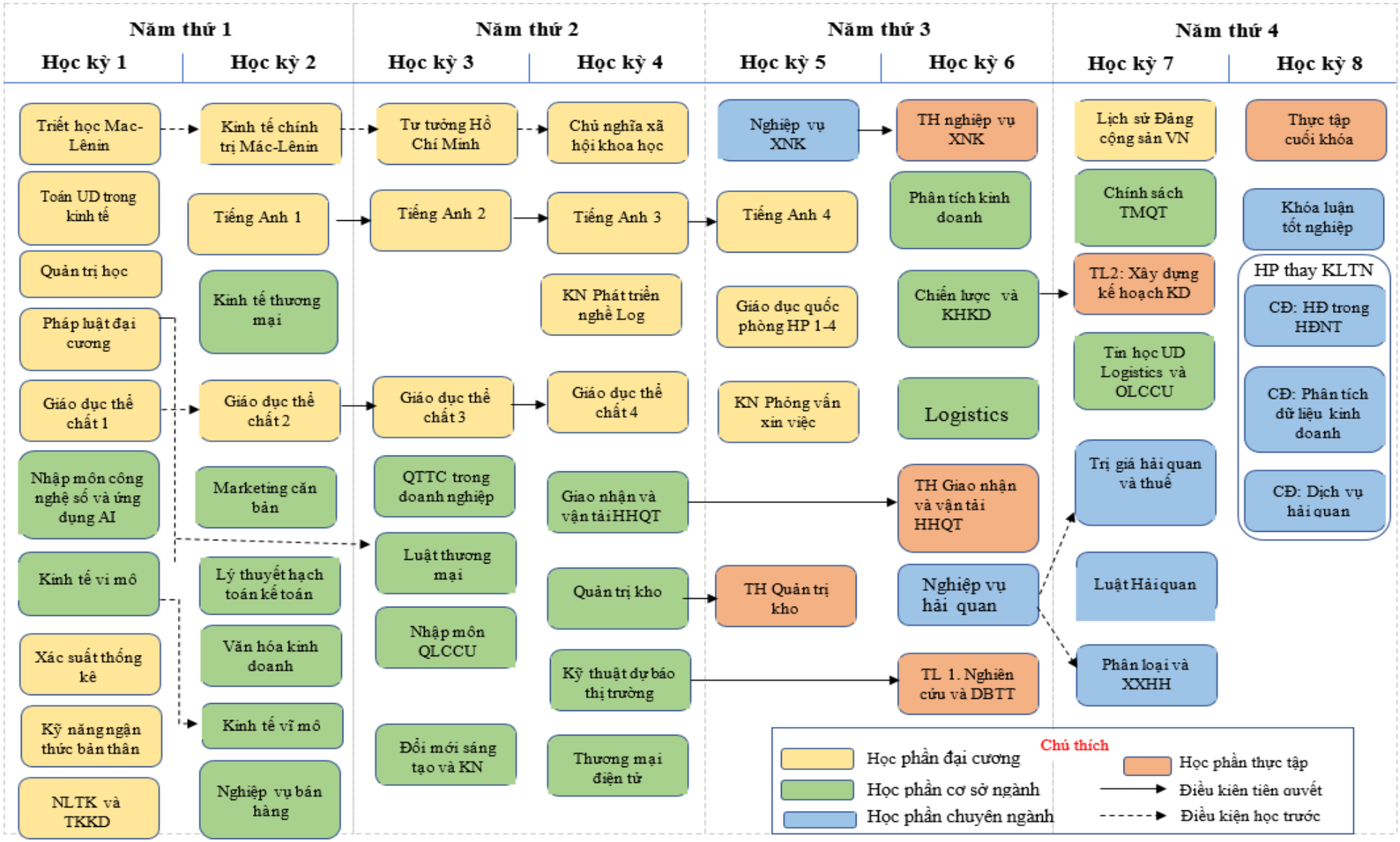
TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại học phần	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và chỉ số PI (Performance Indicator)																									
						Kiến thức (Thang Bloom 6 cấp độ)										Kỹ năng (thang Dave 5 cấp độ)														Trách nhiệm (Thang Krathwohl 5			
						Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn								Kỹ năng chung						Kỹ năng chuyên môn											
						PLO1		PLO2		PLO3		PLO4.01		PLO4.02		PLO5		PLO6		PLO07		PLO08		PLO09		PLO10.01		PLO10.02		PLO11		PLO12	
						PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1.01	PI4.2.01	PI4.1.02	PI4.2.02	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI7.2	PI8.1	PI8.2	PI9.1	PI9.2	PI10.1.01	PI10.2.01	PI10.1.02	PI10.2.02	PI11.1	PI11.2	PI12.1	PI12.2
	Modul 2: Hải quan và dịch vụ Logistics																														
54	002698	2.53. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp Xuất nhập khẩu	2	BB	CN										4,A							3,A							3,A	3		
55	002699	2.54. Phân loại và xuất xứ hàng hóa	3	BB	CN																							4,A					
56	002701	2.55. Trị giá hải quan và thuế	3	BB	CN									4,A														4	4,A				
57	003298	2.56a. Luật thuế	3	TC	CN									4	4																	3	
	002700	2.56b. Luật hải quan	3	TC	CN									4	4														4			3	
58	002371	57. Thực tập cuối khóa	5	BB	CN									4	4													4	4			3,A	3,A
59	002372	58. Khóa luận tốt nghiệp	9	BB	CN									4	4			4										4	4				
60	003311	2.59. HPTT: Chuyên đề 1: Hợp đồng trong hoạt động ngoại thương	3	BB	CN																				3			4					
61	003292	2.60. HPTT: Chuyên đề 2: Phân tích dữ liệu kinh doanh	3	BB	CN										4														3				
62	003313	2.61. Chuyên đề 3: Dịch vụ hải quan	3	BB	CN									4				3										4					

12. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo

Modul 1: Logistics và QLCCU



Modul 2: Hải quan và dịch vụ Logistics



13. Mô tả tóm tắt học phần

I. Kiến thức giáo dục đại cương (38 TC)

1. Triết học Ma-Lênin **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(21, 18, 30, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không có

- *Học phần học trước*: Không có

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Triết học Mác - Lênin là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy đầu tiên trong những môn thuộc hệ thống các môn khoa học Mác - Lênin, như môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam. Học phần từng bước trang bị cho sinh viên thiết lập được thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành cần đào tạo. Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.

2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Triết học Mác - Lênin

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin thuộc Bộ môn Nguyên lý chủ nghĩa Mác- Lênin, được xây dựng theo chương trình lý luận chính trị mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2019, nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức của kinh tế chính trị Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Triết học Mác - Lênin; KTCT Mác - Lênin

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Triết học Mác-Lênin; KTCT Mác-Lênin, CNXH KH

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Cung cấp cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác

phong Hồ Chí Minh. Giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (21, 18, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Triết học Mác-Lênin; KTCT Mác-Lênin, CNXH KH, Tư tưởng Hồ Chí Minh

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau các môn học Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930) và quá trình lãnh đạo cách mạng từ 1930 đến nay, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa và công cuộc đổi mới. Được thể hiện ở các nội dung: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

6. Pháp luật đại cương **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo sinh viên đại học. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng và các kiểu nhà nước, pháp luật. Đồng thời, học phần cũng giúp người học tìm hiểu, nghiên cứu kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, bộ máy nhà nước Việt Nam, quyền sở hữu, quyền thừa kế, hợp đồng, vi phạm pháp luật hành chính, tội phạm, và quy định pháp luật về phòng chống tham nhũng. Từ đó, người học có thể hiểu và vận dụng được kiến thức lý luận cũng như một số quy định pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.

7. Xác suất thống kê **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Xác suất thống kê là học phần cơ sở của chương trình đào tạo đại học các ngành Kỹ thuật và Kinh tế. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê gồm: lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu và các bài toán cơ bản của thống kê như ước lượng, kiểm định giả thiết, hồi quy và tương quan.

8. Toán ứng dụng trong kinh tế **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Toán ứng dụng cho ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng là học phần đại cương của chương trình đào tạo bậc đại học khối ngành quản trị khách sạn, trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về phép tính vi-tích phân hàm 1 biến; nhiều biến và các ứng dụng trong kinh tế.

9. Nhập môn ông nghệ số và ứng dụng AI **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1 (15, 0, 30)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Nhập môn ông nghệ số và ứng dụng AI cho ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng…

10. Tiếng Anh 1 **Số TC: 4**

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24,120)

- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào ≥ 200

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam). Học phần tiếng Anh 1 giúp người học phát triển các khối kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp, từ vựng, chức năng, phát âm và các kỹ năng khác thông qua các hoạt động giao tiếp phù hợp. Mô hình bài học thực tế và thực hành các hoạt động giao tiếp hàng ngày sẽ trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thế giới thực. Các bài học về phương pháp nghiên cứu tình huống được thiết kế chi tiết giúp sinh viên hiểu được cách viết email tốt hơn. Từ vựng được giới thiệu theo từng chủ đề, đa dạng, phong phú, đặc biệt chú trọng nhấn mạnh phần Trọng tâm ngôn ngữ của từng bài.

11. Tiếng Anh 2 **Số TC: 4**

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24,120)

- *Học phần tiên quyết*: Điểm TOEIC đầu vào ≥ 275

- *Học phần học trước*: Tiếng Anh 1

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Tiếng anh cơ bản 2 rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam). Nội dung bao gồm các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm,) và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói,đọc, viết) cùng các tình huống giao tiếp từ bài 5 đến bài 8 của giáo trình Life A1 – A2.

12. Tiếng Anh 3 **Số TC: 4**

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24,120)

- *Học phần tiên quyết*: Tiếng Anh 1/ Điểm TOEIC đầu vào ≥ 350

- *Học phần học trước*: Tiếng Anh 1,2.

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Tiếng Anh cơ bản 3 rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam). Nội dung bao gồm các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm) và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói,đọc, viết) cùng các tình huống giao tiếp từ bài 9 đến bài 12 của giáo trình Life A1-A2.

13. Tiếng Anh 4 **Số TC: 4**

- *Phân bố thời gian học tập*: 4 (48,24,120)
- *Học phần tiên quyết*: Tiếng Anh 2/ Điểm TOEIC đầu vào ≥ 425
- *Học phần học trước*: Tiếng Anh 1,2,3.
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần tiếng Anh cơ bản 4 rèn luyện đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu (tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam). Nội dung bao gồm các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm) và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói,đọc, viết) cùng các tình huống giao tiếp từ bài 1 đến bài 4 của giáo trình Life A2-B1

14. Kỹ năng phát triển nghề nghiệp **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1 (15, 0, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kỹ năng phát triển nghề nghiệp Logistics là học phần kiến thức đại cương của chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về phát triển kỹ năng nghề logistics như các kỹ năng về tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm; kỹ năng tổ chức, quản lý thời gian và lập kế hoạch. Học phần giúp sinh viên có thể giải quyết được những tình huống công việc khác nhau trong các loại hình doanh nghiệp và môi trường làm việc khác nhau (các công ty, tập đoàn, các tổ chức xã hội, các tổ chức công cộng...).

15. Kỹ năng phỏng vấn xin việc **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1 (15, 0, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

16. Kỹ năng nhận thức bản thân **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1 (15, 0, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

17. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1 (15, 0, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*:

18. Giáo dục thể chất 1 (điền kinh 1) **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1 (0, 30, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 1 (Điền kinh 1) nằm trong phần môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Lịch sử hình thành và phát triển môn điền kinh, thể dục cơ bản; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý chấn thương trong thể thao. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện nội dung chạy ngắn. Kỹ năng vận động môn chạy ngắn (100m), thể dục tay không 45 động tác, bài tập bổ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy ngắn, phát triển thể lực; phát triển thể lực chung và chuyên môn chạy ngắn.

19. Giáo dục thể chất 2 (điền kinh 2) **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1 (0, 30, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Giáo dục thể chất 1 (điền kinh 1)
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 2 (điền kinh 2) nằm trong phần môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Hiểu biết về tầm quan trọng của chạy bền đối với sức khỏe con người; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý những phản ứng sinh lý xấu khi tập luyện chạy bền. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện chạy cự ly trung bình (800m-nữ, 1500m- Nam). Kỹ năng vận động chạy cự ly trung bình, thể dục tay không 40 động tác, bài tập bổ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy cự ly trung bình, phát triển thể lực; phát triển thể lực chung.

20. Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 1) **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1 (0, 30, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 2)
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 3 (cầu lông 1) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Biết lợi ích tác dụng của tập luyện cầu lông, một số điều luật thi đấu cầu lông. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện kỹ thuật cầu lông. Kỹ năng kỹ thuật đánh cầu bên phải, trái thấp tay, phát cầu trái tay, phát cầu thuận tay. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong tập luyện cầu lông. Học phần này là tiền đề để giảng dạy và học tập học phần giáo dục thể chất 4 (cầu lông 2).

21. Giáo dục thể chất 4 (Cầu lông 2) **Số TC: 1**

- *Phân bố thời gian học tập*: 1 (0, 30, 30)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 1)
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giáo dục thể chất 4 (cầu lông 2) nằm trong phần tự chọn của môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Biết một số điều luật thi đấu cầu lông; chiến thuật đánh đơn, đôi trong thi đấu cầu lông; cách thức tổ chức thi đấu và trọng tài cầu lông. Kỹ năng kỹ thuật đập cầu chính diện, phông cầu. Bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn trong tập luyện cầu lông.

II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)

1. Kinh tế vi mô **Số TC : 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (26,8,60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Đại số tuyến tính

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kinh tế vi mô là học phần cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị những kiến thức về kinh tế thị trường như cung - cầu hàng hóa; Lý thuyết về người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi doanh nghiệp; Cạnh tranh và độc quyền; Thị trường các yếu tố sản xuất; Hạn chế của kinh tế thị trường và sự can thiệp của chính phủ.

2. Kinh tế vĩ mô **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kinh tế vĩ mô là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý thuyết và các phương pháp phân tích sự vận động của nền kinh tế tổng thể, bao gồm: những nguyên lý chung của kinh tế học; nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể; cách xác định những biến số kinh tế vĩ mô chủ yếu; phân tích sự biến động của nền kinh tế và các kiến thức ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô.

3. Lý thuyết hạch toán kế toán **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Lý thuyết hạch toán kế toán là học phần kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo đại học khối ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò, yêu cầu, nhiệm vụ, nguyên tắc, đối tượng của kế toán. Đồng thời, học phần cũng nêu lên các phương pháp kế toán cơ bản như: Phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối và vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hạch toán kế toán các hoạt động chủ yếu trong doanh nghiệp.

4. Quản trị học **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Quản trị học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị, nhà quản trị, các kỹ năng quản trị, văn hóa tổ chức và môi trường quản trị, sự phát triển của các lý thuyết quản trị, các chức năng quản trị (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra), và một số vấn đề của quản trị học hiện đại như thông tin và ra quyết định quản trị, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và quản trị sự thay đổi trong quá trình hoạt động của một tổ chức.

5. Văn hóa kinh doanh **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Văn hoá kinh doanh là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa và văn hóa kinh doanh, các yếu tố cấu thành nên văn hóa kinh doanh, triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hoá doanh nhân và văn hoá trong các hoạt động của doanh nghiệp, để xác định các giá trị văn hóa doanh nhân và văn hóa doanh nghiệp.

6. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (26, 8, 60)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh nghiên cứu mặt lượng trong mối quan hệ với mặt chất của các hiện tượng kinh tế - tài chính phát sinh trong doanh nghiệp, bao gồm: các yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các chỉ tiêu, các phương pháp tính toán phù hợp nhằm phục vụ trực tiếp cho quá trình quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như của toàn ngành kinh tế.

7. Kinh tế thương mại **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Kinh tế Thương mại là học phần Kinh tế ngành của chương trình đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho người học nắm được các kiến thức về Kinh tế Thương mại: Hiểu được chức năng và những tác động của Thương mại; Nắm được bản chất của các hình thức thương mại hiện nay, cũng như tác động của hoạt động Thương mại đối với quá trình phát triển kinh tế; Đánh giá được vai trò và ảnh hưởng của hội nhập quốc tế về thương mại.

8. Marketing thương mại **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Marketing căn bản

- *Học phần học trước*: Marketing căn bản

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Marketing thương mại là một môn học thuộc khoa học kinh tế. Môn học marketing thương mại có liên quan nhiều tới các môn học kinh tế, kinh doanh khác. Marketing thương mại giới thiệu các kiến thức, phương pháp, kinh nghiệm và nghệ thuật trong lĩnh vực quản trị và công nghệ kinh doanh ở các loại hình doanh nghiệp thương mại. Do đó, môn học Marketing thương mại là một trong các môn học có vai trò to lớn trong quản lý kinh tế, đặc biệt là quản lý kinh tế vi mô. Marketing thương mại được coi là môn học cơ bản của quản lý kinh tố vi mô và là môn học hạt nhân của khoa học kinh doanh thương mại.

9. Marketing Căn bản **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Marketing căn bản là học phần thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh, bao gồm: Tổng quan về Marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing, các yếu tố môi trường tác động hoạt động marketing của doanh nghiệp, các yếu tố tác động đến hành vi tiêu dùng của khách hàng và cách ứng xử của doanh nghiệp trong việc xác định thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm trên thị trường và đưa ra các quyết định marketing hỗn hợp nhằm phục vụ thị trường hiệu quả.

10. Sở hữu trí tuệ **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Sở hữu trí tuệ cung cấp những kiến thức cơ bản và những quan điểm tiếp cận hiện đại về các đối tượng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm: sự cần thiết phải bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với tổ chức kinh doanh; khái quát các đối tượng được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong tổ chức; giới thiệu khung pháp lý, bao gồm hệ thống các quy định quốc tế và quốc gia liên quan tới quyền sở hữu trí tuệ; giới thiệu các tổ chức quốc tế và quốc gia về quản lý, bảo hộ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ; các điều kiện đảm bảo bảo quyền đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (thương hiệu, nhãn hiệu, độc quyền sáng chế và mạch tích hợp, kiểu dáng công nghiệp, chỉ dẫn địa lý, bí mật thương mại, bảo hộ về giống cây trồng...) của tổ chức kinh doanh; các hình thức hoạt động để chuyển giao, nhượng quyền sở hữu trí tuệ trong kinh doanh thương mại; những điều kiện để thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

11. Luật thương mại **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Pháp luật đại cương

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Luật thương mại nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành của ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần cung cấp các kiến thức pháp luật về địa vị pháp lý của các doanh nghiệp, về giải thể , phá sản doanh nghiệp và hợp đồng thương mại, pháp luật dịch vụ trung gian, về xúc tiến thương mại của thương nhân. Cùng với đó là các kiến thức về logistics, về nhượng quyền thương mại và pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại.

12. Kinh tế quốc tế **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tính quy luật của sự phụ thuộc lẫn nhau về mặt kinh tế giữa các quốc gia, các hoạt động thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, xu thế phát triển cơ bản của nền kinh tế thế giới hiện nay, vấn đề liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế, các chính sách điều chỉnh quá trình vận động, trao đổi nói trên nhằm vận dụng vào việc phân tích, đánh giá các vấn đề của nền

kinh tế Việt Nam trong các mối quan hệ kinh tế quốc tế ngày càng đa dạng và phức tạp để từ đó làm nền tảng nghiên cứu chuyên sâu cũng như giải quyết hiệu quả các vấn đề kinh tế và quản lý

13. Nhập môn quản lý chuỗi cung ứng **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Nhập môn Quản lý chuỗi cung ứng cung cấp những kiến thức cơ bản, nền tảng về chuỗi cung ứng; những hoạt động chính của quản lý chuỗi cung ứng; mô hình đo lường hiệu quả hoạt động của một chuỗi cung ứng, những công nghệ được ứng dụng trong hoạt động của chuỗi cung ứng, từ đó người học có thể vận dụng kiến thức để đánh giá, phân tích các hoạt động quản lý chuỗi cung ứng của một doanh nghiệp, sử dụng những mô hình để đo lường hiệu quả hoạt động của một chuỗi cung ứng, từ đó đề xuất điều chỉnh, nâng cao hiệu quả của chuỗi cung ứng đó.

14. Kỹ thuật dự báo thị trường **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh, Marketing
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Kỹ thuật dự báo thị trường trang bị cho sinh viên các kiến thức về dự báo thị trường như bản chất của dự báo; những nguyên tắc trong dự báo; quy trình thực hiện dự báo; thông tin, dữ liệu dự báo; các phương pháp dự báo;các khuyết tật và cách khắc phục trong mô hình dự báo; dự báo cầu thị trường về hàng hóa, dịch vụ; dự báo giá cả; dự báo tiêu dùng của dân cư nhằm phục vụ quản lý chiến lược, kế hoạch hóa và hoạch định các chính sách.

15. Tiểu luận 1: Dự báo thị trường **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (0, 60, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Kinh tế lượng, Nguyên lý thống kê, Marketing căn bản, Kỹ thuật dự báo thị trường
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tiểu luận 1: Dự báo thị trường là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về nghiên cứu và dự báo thị trường, giúp cho sinh viên thực hành xây dựng kế hoạch nghiên cứu, thu thập và xử lý dữ liệu, phân tích số liệu, ứng dụng số liệu phân tích vào dự báo nhu cầu thị trường và trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu. Từ kết quả nghiên cứu được trong các tình huống điển hình trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, sẽ làm cơ sở cho việc ra các quyết định chiến lược tiếp theo của doanh nghiệp.

16. Nghiệp vụ xuất nhập khẩu **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Nghiệp vụ xuất nhập khẩu trang bị cho sinh viên một cách hệ thống, khoa học những kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để

có thể tiến hành được các nghiệp vụ trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu. Cụ thể, các nghiệp vụ đó được chia làm hai vấn đề lớn: Thứ nhất là các vấn đề chung về quá trình hình thành hợp đồng xuất nhập khẩu từ khâu đánh giá thị trường, tìm kiếm, lựa chọn đối tác cho đến đàm phán, soạn hợp đồng; Thứ hai là các nghiệp vụ cụ thể để thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu.

17. Nghiệp vụ hải quan **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: "Nghiệp vụ hải quan" là học phần kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo đại học, chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về kỹ thuật nghiệp vụ hải quan như: thủ tục hải quan, các nghiệp vụ của hải quan, phân loại hàng hóa, xuất xứ hàng hóa, trị giá hải quan và thuế xuất nhập khẩu.

18. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Marketing căn bản
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Chiến lược và kế hoạch kinh doanh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình quản trị chiến lược bao gồm: hoạch định chiến lược; tổ chức triển khai thực hiện chiến lược và các kế hoạch hỗ trợ thực hiện chiến lược (kế hoạch mua sắm và dự trữ, kế hoạch khoa học- công nghệ, kế hoạch lao động, kế hoạch chi phí, kế hoạch vốn); đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp trong những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn lực xác định của doanh nghiệp.

19. Thực hành Nghiệp vụ xuất nhập khẩu **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 90, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Nghiệp vụ xuất nhập khẩu
- *Học phần học trước*: Nghiệp vụ xuất nhập khẩu
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thực hành Nghiệp vụ xuất nhập khẩu là học phần thực hành chung của chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần được xây dựng nhằm giúp sinh viên có khả năng thực tế trong việc thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu bao gồm: Nghiên cứu thị trường, tìm kiếm đối tác xuất nhập khẩu, Soạn thảo hợp đồng XNK, Tổ chức thực hiện hợp đồng XNK.

20. Logistics **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Logistics là học phần kiến thức ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về logistics và các hoạt động logistics. Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho người học những kiến thức cần thiết nhất để xây dựng các mục tiêu, lập kế hoạch,

triển khai và kiểm soát các hoạt động logistics một cách hệ thống tại các doanh nghiệp, đồng thời giúp cho các nhà quản trị tại các doanh nghiệp có thể ứng dụng linh hoạt các hoạt động này trong điều kiện môi trường kinh doanh trong thời kỳ hội nhập hiện nay.

21. Quản trị kho **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Quản trị kho là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành Logistic và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần cung cấp trong chương cung cấp kiến thức cơ bản về hoạt động quản lý kho hàng bao gồm các hoạt động quản lý kho hàng trên các khía cạnh thiết kế kho hàng bố trí không gian của nhà kho, thời gian, lưu lượng dòng hàng dự trữ, nguồn nhân lực, quản lý thiết bị, các quy trình nghiệp vụ cơ bản trong kho hàng, các chỉ tiêu đánh giá hoạt động quản lý kho.

22. Giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (26, 8, 60)
- *Học phần tiên quyết*: Nghiệp vụ xuất nhập khẩu
- *Học phần học trước*: Nghiệp vụ xuất nhập khẩu
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế là học phần thuộc khối kiến thức chung của ngành. Học phần cung cấp những kiến thức nền tảng về các phương thức giao nhận, vận chuyển hàng hóa quốc tế, các chứng từ trong vận tải quốc tế bằng các hình thức vận tải phổ biến như đường biển, đường không, đường bộ và đường sắt.

23. Thực hành quản trị kho **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (0, 90, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Quản trị kho
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần thực hành quản trị kho là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng trang bị kiến thức, kỹ năng về tổ chức quản lý kho hàng, xây dựng quy trình xuất/nhập hàng hóa, tổ chức và kỹ thuật chất xếp kho hàng, Công tác kiểm tra, kiểm kê kho, quy trình bảo quản hàng hóa ở kho, đánh giá hiêu quả hoạt động quản trị kho hàng.

24. Thực hành giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (0,60,60)
- *Học phần tiên quyết*:
- *Học phần học trước*: Giao nhận vận tải hàng hóa quốc tế
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Thực hành Giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế là học phần thuộc khối kiến thức chung của chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần được xây dựng nhằm vận dụng kiến thức và rèn luyện cho sinh viên kỹ năng về các nghiệp vụ vận tải và giao nhận hàng hóa quốc tế.

25. Tin học ứng dụng Logistis và chuỗi cung ứng **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Tin học ứng dụng Logistics và chuỗi cung ứng cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin kinh tế, các lập bài toán kinh tế và giải quyết bài toán qua dựa vào bảng tính, các tính năng nâng cao như Pivot Table Chart anh Winzard, Data Analysis để tổng hợp, thống kê, phân tích dự báo, thu mua, sản xuất, dự trữ và tiêu thụ. Bên cạnh đó việc sử dụng các phần mềm chuyên dụng giúp việc quản lý dữ liệu theo các hoạt động của logistics và chuỗi cung ứng được chuyên môn hoá.

26. Nghiệp vụ bán hàng **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Marketing căn bản

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Nghiệp vụ bán hàng cung cấp các kiến thức cơ bản về bán hàng và nghề bán hàng, cung cấp cho sinh viên các kỹ năng bán hàng chuyên nghiệp. Môn học cũng đưa ra các nghiệp vụ bán hàng cụ thể như : nghiệp vụ bán buôn, nghiệp vụ bán lẻ, nghiệp vụ bán hàng qua điện thoại, nghiệp vụ bán hàng trực tuyến. Để có thể bán hàng hiệu quả, môn học cũng cung cấp cho người học kiến thức về hệ thống các hoạt động yểm trợ bán hàng, các kiến thức về dự báo và thiết lập các mục tiêu bán hàng, tổ chức lực lượng bán hàng sao cho khoa học và hiệu quả. Cuối cùng môn học cũng cung cấp kiến thức về hoạt động kiểm soát và đánh giá hiệu suất bán hàng để người học nắm được và áp dụng vào thực tế hoạt động bán hàng tại các doanh nghiệp.

27. Quản lý quan hệ khách hàng **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Marketing căn bản

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản, mô hình IDIC trong CRM, Hồ sơ dịch vụ khách hàng, các lựa chọn chiến lược CRM, quản lý cơ sở dữ liệu khách hàng, CRM với thương mại điện tử, quản lý xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng, Kiểm tra đánh giá và tiến hành điều chỉnh các hoạt động CRM. Từ các kiến thức trên giúp sinh viên có thể thực hiện được CRM trong thực tế kinh doanh.

28. Quản trị nhân lực **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Quản trị học

- *Học phần học trước*: Quản trị học

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về quản trị con người trong tổ chức nhằm đạt được kết quả tốt nhất cho tổ chức và gia tăng sự thỏa mãn, phát triển của nhân viên. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về: các triết lý của quản trị nhân lực, phân tích công việc, hoạch định nhân lực, tuyển dụng nhân lực, tạo động lực trong lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi cho người lao động, quan hệ lao động.

29. Quản trị tài chính trong doanh nghiệp **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Quản trị học

- *Học phần học trước*: Quản trị học

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: mức tiền mặt và tồn kho tối ưu, giá trị theo thời gian của dòng tiền, phân tích thông tin về tài chính để kiểm soát, các chính sách tín dụng bán hàng, khai thác các nguồn tài trợ hiệu quả nhất từ đó có thể dự báo và lên kế hoạch tài chính cho tương lai.

30. Logistics trong thương mại điện tử **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Logistics trong thương mại điện tử cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động logistics trong thương mại điện tử; những kiến thức liên quan đến Logistics đầu vào, logistics đầu ra trong thương mại điện tử như quản lý đơn hàng, vận chuyển, quản lý hàng tồn kho... từ đó người học có thể vận dụng kiến thức để đánh giá, phân tích các hoạt động logistics của một doanh nghiệp thương mại điện tử.

31. Chính sách thương mại quốc tế **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần cung cấp kiến thức về chính sách thương mại quốc tế, các công cụ, các biện pháp phòng vệ thương mại quốc tế. Trên cơ sở vận dụng các vấn đề liên quan tới thương mại quốc tế, chính sách thương mại quốc tế của một số nước và chính sách thương mại quốc tế của Việt Nam trong tương quan so sánh với các quy định và cam kết về thương mại quốc tế.

32. Kinh doanh quốc tế **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, môi trường kinh doanh quốc tế, hoạch định chiến lược kinh doanh quốc tế, thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế.

33. Thương mại điện tử **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Thương mại điện tử trang bị các kiến thức cơ bản về các khái niệm, các mô hình kinh doanh TMĐT, cơ sở hạ tầng công nghệ, hoạt động sản xuất và phân phối, hành vi người tiêu dùng trong thương mại điện tử, thiết kế website và công nghệ bảo mật trong TMĐT.

34. Phân tích tài chính doanh nghiệp **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần thuộc khối kiến thức ngành, cung cấp kiến thức cơ bản nhằm giải thích cơ cấu tài chính, hiệu quả quản trị vốn, quan hệ giữa các dòng tiền trong doanh nghiệp. Học phần hướng dẫn sử dụng các mô hình phân tích đưa ra các thông tin hữu ích về hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp: khả năng sinh lời; khả năng thanh toán; điểm mạnh và điểm yếu; phát hiện những rủi ro trong doanh nghiệp hỗ trợ định hướng cho việc đưa ra quyết định của chủ nợ, nhà quản trị tài chính, nhà đầu tư hoặc tổ chức tư vấn doanh nghiệp. Ngoài ra, môn học cũng góp phần rèn luyện kỹ năng thuyết trình, phản biện, đề xuất và giải quyết vấn đề, giao tiếp bằng văn bản và sử dụng excel trong lĩnh vực tài chính.

35. Phân tích kinh doanh **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Phân tích kinh doanh là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chung của chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích kinh doanh, giúp sinh viên hiểu và đánh giá đúng kết quả sản xuất về khối lượng, chất lượng; tình hình sử dụng các nguồn lực đầu vào, chi phí, giá thành sản phẩm, tiêu thụ, lợi nhuận từ đó đánh giá được tình hình biến động cũng như kết cấu vốn, nguồn vốn, khả năng sinh lời, tình hình lưu chuyển vốn và khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

Modul 1: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

36. Tiểu luận 2: XD KHKD trong DN Logistics **Số TC: 2**

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (0, 60, 60)

- *Học phần tiên quyết*:

- *Học phần học trước*: Phân tích hoạt động kinh doanh

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Logistics. Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để thu thập thông tin về môi trường, phân tích, đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố môi trường bên ngoài, bên trong doanh nghiệp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp qua đó xây dựng kế hoạch kinh doanh để triển khai một ý tưởng kinh doanh cụ thể phù hợp với điều kiện môi trường đã phân tích.

37. Quản lý mua hàng **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*:

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Quản lý mua hàng là học phần được học thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động mua hàng trong chuỗi cung ứng. Hiểu rõ quy trình và kĩ thuật của mua hàng trong tổ chức, quan hệ và tiến trình đàm phán với nhà cung ứng.

38. Quản trị chuỗi cung ứng doanh nghiệp **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*:

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần cung cấp các hiểu biết, ý kiến thức về cung ứng và chuỗi cung ứng; quản trị chuỗi cung ứng doanh nghiệp, nội dung các chức năng của quản trị chuỗi cung ứng bao gồm từ hoạch định, tổ chức, thực hiện và kiểm soát để từ đó sinh viên có thể có đủ kiến thức và kỹ năng cơ bản làm tốt các công việc chuyên môn nghiệp vụ cụ thể trong lĩnh vực hoạt động cung ứng cũng như quản trị chuỗi cung ứng vật chất, cung ứng dịch vụ của một doanh nghiệp sản xuất.

39. Cơ sở hạ tầng Logistics **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*:

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Cơ sở hạ tầng Logistics trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở hạ tầng Logistics như hệ thống giao thông vận tải, kho bãi và hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông. Đây là những nhân tố nền tảng, tạo cơ sở hoạt động và tác động trực tiếp đến hệ thống dịch vụ Logistics ngay từ thời kỳ đầu của quá trình phát triển.

40. Phát triển bền vững trong Logistics và CCƯ **Số TC: 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Nhập môn quản trị chuỗi cung ứng, Quản trị chuỗi cung ứng doanh nghiệp

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần này cung cấp cho người học những lý thuyết chung về phát triển bền vững trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng, cung cấp những nguyên tắc, những mô hình thực để từ đó giải quyết các tình huống liên quan đến phát triển bền vững trong hoạt động logistics và chuỗi cung ứng.

41. Thực tập cuối khóa ngành Logicstic **Số TC: 5**

- *Phân bố thời gian học tập*: 5 (0,300,0)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần trang bị cho người học kinh nghiệm ứng dụng những lý thuyết Logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong nghiên cứu, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tế của doanh nghiệp, cụ thể như: Xác định đặc điểm chung của doanh nghiệp (loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, quy mô kinh doanh); Đánh giá cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp; Đánh giá chung tình hình kinh doanh của DN hiện nay; Mô tả và đánh giá các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

42. Khóa luận tốt nghiệp ngành Logicstic **Số TC: 9**

- *Phân bố thời gian học tập*: 9 (0, 540, 0)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Thực tập cuối khóa

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Khóa luận tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm chứng minh người học đã hội đủ kiến thức và khả năng giải quyết một vấn đề khoa học thuộc ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Khóa

luận được hoàn thành đúng quy định của quy chế đào tạo phải cho thấy những tri thức khoa học chuyên ngành liên quan đến vấn đề nghiên cứu mà những tri thức này được người học lĩnh hội trong quá trình học tập. Đồng thời người học phải cho thấy được khả năng vận dụng tri thức khoa học, những hiểu biết thực tiễn có liên quan, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết vấn đề nghiên cứu đã lựa chọn. Bên cạnh đó, quá trình tổ chức và thực thi việc nghiên cứu khoa học cho khóa luận cũng phản ánh tinh thần trách nhiệm, tính khoa học, tính tự chủ, tính sáng tạo và sự tự tin đối với chuyên môn ngành nghề của người học.

43. HPTT: CĐ 1: Hợp đồng trong hoạt động NT Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 90, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Luật Thương mại, Nghiệp vụ hải quan, Nghiệp vụ XNK
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Chuyên đề Hợp đồng trong hoạt động ngoại thương là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và QLCCU. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về hợp đồng Ngoại thương, các kỹ thuật về soạn thảo hợp đồng Ngoại thương và các luật được áp dụng trong các hợp đồng Ngoại thương. s Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho người học những kiến thức cần thiết nhất để xây dựng văn bản nói chung, các hợp đồng Ngoại thương nói riêng các một cách hệ thống tại các doanh nghiệp thương mại, đồng thời giúp cho các doanh nghiệp có thể chuẩn hóa các mẫu hợp đồng mua bán có yếu tố nước ngoài của mình trong thời kỳ hội nhập hiện nay.

44. HPTT: CĐ 2: Phân tích dữ liệu kinh doanh Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 90, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Quản trị tài chính trong DN, Phân tích kinh doanh
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Chuyên đề phân tích dữ liệu kinh doanh là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn thuộc khối kiến thức chuyên ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng. Học phần cung cấp cho sinh viên quy trình nghiên cứu dữ liệu doanh nghiệp logistics từ xây dựng vấn đề nghiên cứu; lập kế hoạch thu thập dữ liệu; thu thập và sàng lọc dữ liệu; Phân tích dữ liệu được thực hiện bằng phần mềm thống kê (SPSS, Excel…) kết hợp công cụ AI (ChatGPT, Copilot, AI Data Analysis) nhằm trực quan hóa dữ liệu từ đó đề xuất giải pháp cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp logistics.

45. HPTT: CĐ 3: Tối ưu hóa chuỗi cung ứng Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 90, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Quản trị chuỗi cung ứng DN
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Chuyên đề Tối ưu hóa chuỗi cung ứng hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về quản trị chuỗi cung ứng, tổ chức cho sinh viên thực hành xây dựng, phân tích và giải quyết các tình huống điển hình trong thực tiễn hoạt động quản trị chuỗi cung ứng của doanh nghiệp, làm cơ sở cho việc ra các quyết định quản trị chuỗi cung ứng theo những nội dung sau: Phân tích đánh giá quy trình hoạch định của chuỗi cung ứng; Phân tích đánh giá, lựa chọn nhà cung ứng; Phân tích đánh giá quy trình sản xuất; Phân tích đánh giá quy trình phân phối; Phân tích hoạt động logistics trong chuỗi cung ứng; Đo lường hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng.

Modul Hải quan và dịch vụ Logistics

46. Tiểu luận 2: Xây dựng KHKD trong DN XNK Số TC: 2

- *Phân bố thời gian học tập*: 2 (0, 60, 60)

- *Học phần tiên quyết*:

- *Học phần học trước*: Phân tích hoạt động kinh doanh

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Logistics. Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để thu thập thông tin về môi trường, phân tích, đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố môi trường bên ngoài, bên trong doanh nghiệp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp qua đó xây dựng kế hoạch kinh doanh để triển khai một ý tưởng kinh doanh cụ thể phù hợp với điều kiện môi trường đã phân tích.

47. Phân loại và xuất xứ hàng hóa Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Nghiệp vụ hải quan

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học học Phân loại và xuất xứ hàng hóa là học phần chuyên ngành của Modul 2-Hải quan và dịch vụ Logistics của ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần cung cấp những nội dung lý luận chung nhất về phân loại và xuất xứ hàng hóa (khái niệm, nguyên tắc xây dựng và áp dụng). Bên cạnh đó, học phần cung cấp những kiến thức nghiệp vụ cơ bản và chuyên sâu về phân loại và xuất xứ hàng hóa, giúp người học nắm được các nội dung một cách đầy đủ và có thể thực hiện được một cách công việc thực tế liên quan đến phân loại, áp mã, xác định thuế suất đối với hàng hóa xuất nhập khẩu và xuất xứ hàng hóa, thực hiện các công việc để chấp hành các qui định của pháp luật liên quan đến các nội dung này.

48. Trị giá hải quan và thuế Số TC : 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Nghiệp vụ hải quan

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Trị giá hải quan và thuế cung cấp những kiến thức cơ bản về các phương pháp xác định giá trị hải quan theo hiệp định trị giá GATT/WTO để xác định chính xác trị giá hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu nhằm mục đích phục vụ thống kê hải quan. Bên cạnh đó, học phần cung cấp những quy định về thuế và các phương pháp tính thuế trong hoạt động kinh doanh thương mại. Đặc biệt đối với sinh viên chuyên ngành hải quan, trị giá hải quan và thuế là môn khoa học cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu mang tính kỹ thuật nghiệp vụ trong việc xác định trị giá hải quan theo các phương pháp của Hiệp định GATT/WTO.

49. Luật thuế Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Học phần học trước*: Luật thương mại

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Luật Thuế trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về pháp luật thuế Việt Nam, đặc biệt là các sắc thuế phát sinh trực tiếp trong hoạt động logistics, xuất nhập khẩu và quản lý chuỗi cung ứng.

Nội dung học phần tập trung vào các quy định pháp luật về quản lý thuế, thuế xuất khẩu – nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và một số sắc thuế liên quan khác trong bối cảnh hoạt động của doanh nghiệp logistics. Thông qua học phần, người học có khả năng nhận diện nghĩa vụ thuế, áp dụng quy định pháp luật thuế để phân tích và giải quyết các tình huống pháp lý về thuế trong thực tiễn hoạt động logistics và chuỗi cung ứng; đồng thời hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, trách nhiệm nghề nghiệp và đạo đức trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn.

50. Luật Hải quan **Số TC : 3**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (39, 12, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Luật thương mại, Nghiệp vụ hải quan
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần Luật hải quan thuộc khối kiến thức chuyên ngành định hướng Hải quan và Dịch vụ Logistics của chương trình đào tạo Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, cung cấp cho người học hệ thống kiến thức chuyên sâu và ứng dụng về pháp luật hải quan Việt Nam và quốc tế. Nội dung học phần tập trung vào phân tích và vận dụng các quy định pháp luật liên quan đến thủ tục hải quan, quản lý nhà nước về hải quan, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia hoạt động xuất nhập khẩu, kiểm tra, giám sát hải quan, xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực hải quan. Thông qua học phần, người học có khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng pháp luật hải quan để tổ chức, thực hiện hiệu quả các nghiệp vụ logistics và xuất nhập khẩu tại doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu tuân thủ pháp luật và thực tiễn nghề nghiệp.

51. Thực tập cuối khóa ngành Logicstic **Số TC: 5**

- *Phân bố thời gian học tập*: 5 (0,300,0)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Không
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Học phần trang bị cho người học kinh nghiệm ứng dụng những lý thuyết Logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong nghiên cứu, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tế của doanh nghiệp, cụ thể như: Xác định đặc điểm chung của doanh nghiệp (loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, quy mô kinh doanh); Đánh giá cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp; Đánh giá chung tình hình kinh doanh của DN hiện nay; Mô tả và đánh giá các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

52. Khóa luận tốt nghiệp ngành Logicstic **Số TC: 9**

- *Phân bố thời gian học tập*: 9 (0, 540, 0)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Thực tập cuối khóa
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Khóa luận tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm chứng minh người học đã hội đủ kiến thức và khả năng giải quyết một vấn đề khoa học thuộc ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Khóa luận được hoàn thành đúng quy định của quy chế đào tạo phải cho thấy những tri thức khoa học chuyên ngành liên quan đến vấn đề nghiên cứu mà những tri thức này được người học lĩnh hội trong quá trình học tập. Đồng thời người học phải cho thấy được khả năng vận dụng tri thức khoa học, những hiểu biết thực tiễn có liên quan, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết vấn đề nghiên cứu đã lựa chọn. Bên cạnh đó, quá trình tổ chức và thực thi việc nghiên cứu khoa học cho khóa luận cũng

phản ánh tinh thần trách nhiệm, tính khoa học, tính tự chủ, tính sáng tạo và sự tự tin đối với chuyên môn ngành nghề của người học.

53. HPTT: CĐ 1: Hợp đồng trong hoạt động NT Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 90, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Luật Thương mại, Nghiệp vụ hải quan, Nghiệp vụ XNK
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Chuyên đề Hợp đồng trong hoạt động ngoại thương là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và QLCCU. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về hợp đồng Ngoại thương, các kỹ thuật về soạn thảo hợp đồng Ngoại thương và các luật được áp dụng trong các hợp đồng Ngoại thương. s Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho người học những kiến thức cần thiết nhất để xây dựng văn bản nói chung, các hợp đồng Ngoại thương nói riêng các một cách hệ thống tại các doanh nghiệp thương mại, đồng thời giúp cho các doanh nghiệp có thể chuẩn hóa các mẫu hợp đồng mua bán có yếu tố nước ngoài của mình trong thời kỳ hội nhập hiện nay.

44. HPTT: CĐ 2: Phân tích dữ liệu kinh doanh Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 90, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Quản trị tài chính trong DN, Phân tích kinh doanh
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Chuyên đề phân tích dữ liệu kinh doanh là học phần phát triển kỹ năng chuyên môn thuộc khối kiến thức chuyên ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng. Học phần cung cấp cho sinh viên quy trình nghiên cứu dữ liệu doanh nghiệp logistics từ xây dựng vấn đề nghiên cứu; lập kế hoạch thu thập dữ liệu; thu thập và sàng lọc dữ liệu; Phân tích dữ liệu được thực hiện bằng phần mềm thống kê (SPSS, Excel…) kết hợp công cụ AI (ChatGPT, Copilot, AI Data Analysis) nhằm trực quan hóa dữ liệu từ đó đề xuất giải pháp cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

55. HPTT: CĐ 3: Dịch vụ hải quan Số TC: 3

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (0, 90, 90)
- *Học phần tiên quyết*: Không
- *Học phần học trước*: Nghiệp vụ hải quan
- *Tóm tắt nội dung học phần*: Chuyên đề Dịch vụ Hải quan trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản về nghiệp vụ dịch vụ hải quan trong hoạt động xuất nhập khẩu, bao gồm: quy trình thủ tục hải quan; khai báo hải quan điện tử; phân loại hàng hóa, xác định trị giá hải quan, thuế và xuất xứ hàng hóa; quản lý và xử lý chứng từ hải quan; kiểm tra, giám sát và tuân thủ pháp luật hải quan.Thông qua các bài tập tình huống và thực hành trên phần mềm chuyên ngành, học phần giúp người học vận dụng tư duy phân tích, năng lực số và công nghệ để giải quyết các vấn đề phát sinh trong dịch vụ hải quan, nâng cao hiệu quả nghiệp vụ và đáp ứng yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp logistics và xuất nhập khẩu.

14. Hướng dẫn thực hiện

14.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

+ Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.

+ Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.

+ Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

Và các quy định khác của Nhà nước về lĩnh vực đào tạo; các quy định hiện hành trong nhà trường: chế độ công tác giáo viên, quy định về tiêu chuẩn, quyền hạn, nhiệm vụ và hình thức xử lý đối với cán bộ, giáo viên.

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

14.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
  - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ hè.

- Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
- Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
- Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

15. Đánh giá và cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo

Định kỳ tối thiểu 2 năm một lần, Trưởng khoa quản lý chương trình đào tạo tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được điều chỉnh cập nhật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long